



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 24

Ngày 15 tháng 6 năm 2013

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 30-5-2013 - Quyết định số 18/2013/QĐ-UBND về ban hành hệ số điều chỉnh giá đất tính thu tiền sử dụng đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 3

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

- 30-5-2013 - Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa quận 6. 8

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

- 31-5-2013 - Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị trực thuộc Phòng Quản lý đô thị huyện Bình Chánh. 17

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 21-5-2013 - Quyết định số 2599/QĐ-UBND phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Trung An, huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015. 28
- 27-5-2013 - Quyết định số 2701/QĐ-UBND phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015. 51
- 27-5-2013 - Quyết định số 2702/QĐ-UBND phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn giai đoạn 2013 - 2015. 72

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

- 29-5-2013 - Quyết định số 763/QĐ-UBND-NC về bãi bỏ Quyết định số 10/2007/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2007 Ủy ban nhân dân quận 4 về thành lập Thanh tra xây dựng quận 4 và Thanh tra xây dựng 15 phường thuộc quận 4. 94

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2013/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 5 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành hệ số điều chỉnh giá đất tính thu tiền sử dụng đất ở
đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 93/2011/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Thông tư số 117/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy tại văn bản số 527-TB/TU ngày 16 tháng 5 năm 2013 về thu tiền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích đất ở ngoài hạn mức;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 4610/TT-STC-BVG ngày 28 tháng 5 năm 2013; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 1858/STP-VB ngày 29 tháng 5 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quyết định này quy định về việc áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất để tính thu tiền sử dụng đất của phần diện tích vượt hạn mức sử dụng (hạn mức giao) đất ở khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở (công nhận quyền sử dụng đất) đối với đất đang sử dụng, chuyển mục đích sử dụng đối với đất đang sử dụng không phải là đất ở sang đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại Tiết a Điểm 1.5 (1.5.2) Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 93/2011/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Thông tư số 117/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất.

Điều 2. Hệ số điều chỉnh giá đất

1. Hệ số điều chỉnh giá đất để tính thu tiền sử dụng đất của phần diện tích vượt hạn mức sử dụng đất ở khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở (công nhận quyền sử dụng đất) đối với đất đang sử dụng, chuyển mục đích sử dụng đối với đất đang sử dụng không phải là đất ở sang đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân thì phần diện tích đất ở vượt hạn mức được áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất tùy theo từng khu vực như sau:

a) Khu vực 1, gồm: Quận 1, quận 3, quận 4, quận 5, quận 10, quận 11, quận Tân Bình, quận Phú Nhuận: Hệ số điều chỉnh giá đất là hai (02) lần giá đất do Ủy ban nhân dân thành phố quy định và công bố hàng năm;

b) Khu vực 2, gồm: Quận 2, quận 6, quận 7, quận 8, quận 9, quận 12, quận Gò Vấp, quận Bình Thạnh, quận Bình Tân, quận Thủ Đức, quận Tân Phú: Hệ số điều chỉnh giá đất là một phẩy năm (1,5) lần giá đất do Ủy ban nhân dân thành phố quy định và công bố hàng năm;

c) Khu vực 3, gồm: Huyện Bình Chánh, huyện Củ Chi, huyện Hóc Môn, huyện Nhà Bè: Hệ số điều chỉnh giá đất là một phẩy ba (1,3) lần giá đất do Ủy ban nhân dân thành phố quy định và công bố hàng năm. Riêng huyện Cần Giờ được áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất là một phẩy một (1,1) lần giá đất do Ủy ban nhân dân thành phố quy định và công bố hàng năm.

2. Căn cứ hệ số điều chỉnh giá đất nêu tại Khoản 1 Điều này và quy định tại Thông tư số 93/2011/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chi Cục Thuế quận - huyện xác định giá đất tính thu tiền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích vượt hạn mức như sau:

a) Trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở (công nhận quyền sử dụng đất):

- Đối với vị trí mặt tiền đường (đường có tên trong Bảng giá các loại đất do Ủy ban nhân dân thành phố quy định và công bố hàng năm): áp dụng giá đất ở quy định tại Bảng giá các loại đất do Ủy ban nhân dân thành phố quy định và công bố hàng năm nhân (x) với hệ số điều chỉnh giá đất nêu tại Khoản 1 Điều này;

- Đối với vị trí không mặt tiền đường: Căn cứ cấp hẻm, vị trí hẻm tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định về giá các loại đất trên địa bàn thành phố và các văn bản hướng dẫn liên quan để xác định giá đất ở vị trí không mặt tiền đường nhân (x) với hệ số điều chỉnh giá đất nêu tại Khoản 1 Điều này.

b) Trường hợp chuyển mục đích sử dụng đối với đất đang sử dụng không phải là đất ở sang đất ở:

- Đối với vị trí mặt tiền đường: áp dụng giá đất ở quy định tại Bảng giá các loại đất do Ủy ban nhân dân thành phố quy định và công bố hàng năm, trừ (-) giá đất theo mục đích sử dụng trước khi chuyển mục đích (theo Bảng giá đất) tại cùng thời điểm, sau đó nhân với hệ số điều chỉnh giá đất nêu tại Khoản 1 Điều này, nhưng trong mọi trường hợp không được thấp hơn giá đất trồng cây lâu năm quy định tại Bảng giá đất có cùng vị trí;

- Đối với vị trí không mặt tiền đường: Căn cứ cấp hẻm, vị trí hẻm tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định về giá các loại đất trên địa bàn thành phố và các văn bản hướng dẫn liên quan để xác định giá đất ở vị trí không mặt tiền đường, trừ (-) giá đất theo mục đích sử dụng trước khi chuyển mục đích (theo Bảng giá đất) tại cùng thời điểm, sau đó nhân với hệ số điều chỉnh giá đất nêu tại Khoản 1 Điều này, nhưng trong mọi trường hợp không được thấp hơn giá đất trồng cây lâu năm quy định tại Bảng giá đất có cùng vị trí.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ quy định tại Điều 1, Điều 2 Quyết định này và các quy định của pháp luật liên quan, Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài chính, Chi Cục Thuế phối hợp với các cơ quan có liên quan ở quận - huyện thực hiện việc xác định và thu nộp tiền sử dụng đất ở theo Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền đối với các trường hợp lợi dụng chính sách này để đầu cơ, trục lợi hoặc các trường hợp khiếu nại, tố cáo có liên quan đến việc xác định và thu nộp tiền sử dụng đất ở.

2. Giao Liên Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế cập nhật giá đất chuyển nhượng thực tế (mang tính phổ biến) trên thị trường trong điều kiện bình thường hàng năm để báo cáo, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất nêu tại Điều 2 Quyết định này cho phù hợp.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười (10) ngày, kể từ ngày ký.

2. Bãi bỏ Quyết định số 28/2012/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành hệ số điều chỉnh giá đất tính thu tiền sử dụng đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 5. Xử lý chuyển tiếp

1. Các trường hợp đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định, thu tiền sử dụng đất ở và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng và không điều chỉnh theo Quyết định này.

2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất ở, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, chuyển mục đích sử dụng đối với đất đang sử dụng không phải đất ở sang đất ở theo quy định của pháp luật có phần diện tích vượt hạn mức sử dụng đất ở mà phải thu tiền sử dụng đất sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường, nhưng chưa được xác định giá đất tính thu tiền sử dụng đất ở đối với phần diện tích này, thì giao cơ quan Thuế căn cứ Quyết định này để tính thu tiền sử dụng đất ở.

3. Trường hợp ghi nợ tiền sử dụng đất hoặc đã nhận thông báo nộp tiền sử dụng

đất nhưng chưa nộp, căn cứ Quyết định này, giao Cục Thuế thành phố hướng dẫn thực hiện thống nhất để tạo điều kiện hoàn thành công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở theo quy định.

Điều 6. Trong quá trình thực hiện Quyết định này nếu phát sinh vướng mắc thì các Sở, ngành thành phố và Ủy ban nhân dân quận - huyện phản ánh kịp thời cho Sở Tài chính để nghiên cứu, phối hợp với các Sở, ngành liên quan trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Điều 7. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 6****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2013/QĐ-UBND

*Quận 6, ngày 30 tháng 5 năm 2013***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của
Trung tâm Văn hóa quận 6****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ; Thông tư số 113/2007/TT-BTC ngày 24 tháng 9 năm 2007 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2010/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 02 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của tổ chức sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 2904/QĐ-UB-VX ngày 20 tháng 5 năm 1999 của Ủy ban

nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc sáp nhập Trung tâm Văn hóa quận 6 và Công viên Phú Lâm, thành Trung tâm Văn hóa quận 6 trực thuộc Ủy ban nhân dân quận 6;

Căn cứ Quyết định số 4207/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về cho phép thành lập Ban Quản lý Công viên Quận 6 thuộc Ủy ban nhân dân Quận 6;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Văn hóa quận 6 (tại Công văn số 326/TTVH ngày 28 tháng 12 năm 2012) và của Trưởng Phòng Nội vụ quận 6 (tại Tờ trình số 313/TTr-NV ngày 22 tháng 4 năm 2013),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa quận 6.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa quận 6 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 phê duyệt ngày 13 tháng 01 năm 2006.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 6, Trưởng Phòng Nội vụ quận 6, Giám đốc Trung tâm Văn hóa quận 6, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Hữu Trí

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa quận 6
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân quận 6)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa quận 6 trực thuộc Ủy ban nhân dân quận 6.
2. Quy chế này được áp dụng đối với viên chức, người lao động đang làm việc tại Trung tâm Văn hóa quận 6 và các tổ chức, cá nhân có quan hệ công tác với Trung tâm.

Điều 2. Tên gọi, vị trí và chức năng

1. Tên gọi: Trung tâm Văn hóa quận 6
2. Vị trí:

Trung tâm Văn hóa quận 6 (sau đây gọi tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân quận 6, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước (sau khi cân đối với nguồn thu sự nghiệp), được mở tài khoản ở kho bạc nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Trụ sở đặt tại địa chỉ số 170 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Chức năng:

- a) Phát triển sự nghiệp văn hóa; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương;
- b) Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác văn hóa ở cơ sở;
- c) Tổ chức, cung ứng dịch vụ công; đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa, văn

nghệ; nhu cầu tiếp nhận thông tin, nâng cao dân trí, nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của nhân dân trên địa bàn.

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Căn cứ chương trình phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương để xây dựng kế hoạch hoạt động trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt.

2. Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, tuyên truyền cổ động, thư viện, triển lãm, giải trí, chiếu phim, câu lạc bộ, nhóm sở thích, lớp năng khiếu nghệ thuật.

3. Tổ chức các cuộc liên hoan, hội thi, hội diễn của quận.

4. Hướng dẫn phong trào văn hóa - văn nghệ cho những người làm công tác văn hóa, thông tin ở phường.

5. Phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu văn hóa - văn nghệ.

6. Suu tầm, bảo tồn và hướng dẫn các loại hình nghệ thuật dân gian, các hoạt động văn hóa truyền thống.

7. Tổ chức các hoạt động tác nghiệp chuyên môn, các hoạt động dịch vụ văn hóa và các hoạt động dịch vụ khác đáp ứng nhu cầu của nhân dân địa phương đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của Trung tâm.

8. Hợp tác, giao lưu, trao đổi chuyên môn nghiệp vụ và các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa với các đơn vị, tổ chức trong và ngoài quận.

9. Quản lý công chức, viên chức, tài chính và tài sản theo quy định của pháp luật.

10. Quản lý, tổ chức và phát hành Tuần tin quận 6; thực hiện ghi nhận, viết bài, đưa tin và biên tập phát hành các thông tin về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng của quận; về chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

11. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Ủy ban nhân dân quận giao.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Ban Giám đốc Trung tâm gồm: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc

a) Giám đốc là người đứng đầu Trung tâm; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận về hoạt động của Trung tâm và việc thực hiện nhiệm vụ được giao; quyết định mọi chế độ làm việc của các bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc nhằm đảm bảo sự lãnh đạo tập trung; được quyền chủ động sử dụng ngân sách

và tài sản được Nhà nước cấp để thực hiện kế hoạch công tác do quận giao theo đúng quy định;

b) Phó Giám đốc là người giúp Giám đốc điều hành các hoạt động của Trung tâm; được Giám đốc giao phụ trách một số công việc, lĩnh vực công tác cụ thể và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về lĩnh vực được phân công; chủ động tổ chức điều hành mọi công việc trong phần việc được Giám đốc phân công và báo cáo, đề xuất kịp thời với Giám đốc mọi vấn đề;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận bổ nhiệm và miễn nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc của Trung tâm theo quy định của pháp luật.

2. Các Tổ chuyên môn, nghiệp vụ

Trung tâm có các Tổ chuyên môn, nghiệp vụ; mỗi Tổ có Tổ trưởng và 01 Tổ phó do Giám đốc Trung tâm quyết định. Các Tổ chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, tổ chức các hoạt động nghiệp vụ tại chỗ và hướng dẫn hoạt động văn hóa thông tin của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức kinh tế - xã hội trên địa bàn quận.

a) Tổ Hành chính - Tổng hợp:

Bao gồm viên chức, nhân viên được phân công phụ trách các lĩnh vực: hành chính văn phòng, thư ký, văn thư, lưu trữ, tổng hợp, tài vụ, tổ chức, thi đua, dịch vụ, kỹ thuật, lái xe, bảo vệ, vệ sinh. Có nhiệm vụ thực hiện công tác hành chính - tổng hợp, văn thư lưu trữ; quản lý, cung ứng vật tư, trang thiết bị cho hoạt động của Trung tâm; xây dựng kế hoạch tài chính - kế toán; thực hiện công tác thống kê, tổng hợp, báo cáo các hoạt động của Trung tâm; khai thác, tổ chức các dịch vụ văn hóa theo chức năng, nhiệm vụ trên cơ sở phát huy hiệu quả năng lực viên chức, nhân viên và cơ sở vật chất của Trung tâm.

b) Tổ Nghiệp vụ:

Bao gồm viên chức, nhân viên được phân công phụ trách các lĩnh vực: văn hóa, văn nghệ, thông tin lưu động, thông tin tuyên truyền cổ động trực quan, triển lãm. Có nhiệm vụ nghiên cứu nhu cầu và tổ chức các hoạt động liên hoan, hội thảo, hội thi, hội diễn văn nghệ quần chúng, lễ hội truyền thống, xây dựng các loại hình sinh hoạt câu lạc bộ, đội nhóm; tổ chức các lớp năng khiếu về nghệ thuật; tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nhiệm vụ chính trị, chính sách an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh. Bồi dưỡng tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác văn hóa cho cơ sở; tổ chức các hoạt động tại chỗ và lưu động

tuyên truyền, cổ động, triển lãm phục vụ trên địa bàn dân cư; phục vụ các nhiệm vụ chính trị đột xuất, cấp bách, các phong trào, cuộc vận động lớn tại địa phương.

c) Tổ Tuần tin:

Bao gồm viên chức, nhân viên được phân công phụ trách các lĩnh vực: lấy tin, viết bài, chụp ảnh. Có nhiệm vụ thực hiện các hoạt động lấy tin, viết bài, chụp ảnh, thực hiện các phóng sự,... biên soạn và phát hành Bản tin theo quy định của pháp luật dưới sự quản lý của Quận ủy và Ủy ban nhân dân quận.

d) Tổ Thư viện:

Thực hiện nhiệm vụ tổ chức, quản lý, thu thập, bổ sung, khai thác, xử lý và giới thiệu vốn tài liệu; tham gia xây dựng thư viện, tủ sách cơ sở.

đ) Căn cứ quy mô hoạt động, Giám đốc Trung tâm xây dựng phương án tổ chức các Tổ chuyên môn, nghiệp vụ cho phù hợp để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Ngoài bộ máy tổ chức trên, Trung tâm còn có các Câu lạc bộ, đội nhóm trực thuộc được sự hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ của các Tổ.

3. Biên chế:

a) Biên chế của Trung tâm do Ủy ban nhân dân quận quyết định theo định mức biên chế sự nghiệp, căn cứ chức danh và tiêu chuẩn ngạch viên chức chuyên môn;

b) Căn cứ nhiệm vụ và nhu cầu cụ thể, Giám đốc Trung tâm phối hợp với Phòng Nội vụ quận trình Ủy ban nhân dân quận quyết định số lượng biên chế cần thiết đảm bảo cho các Tổ chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện các nhiệm vụ được giao. Việc bố trí, sử dụng cán bộ, nhân viên phải căn cứ vào chức danh chuyên môn và tiêu chuẩn ngạch viên chức theo quy định của pháp luật;

c) Ngoài số lượng biên chế được giao, Giám đốc Trung tâm được ký hợp đồng lao động đối với người lao động làm việc tại Trung tâm (sau khi có ý kiến của Phòng Nội vụ quận 6) và thực hiện quản lý lao động theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Cơ sở vật chất

1. Trung tâm được xây dựng ở khu vực trung tâm, đông dân cư, thuận lợi giao thông, có cơ sở vật chất như sau:

a) Trụ sở làm việc;

b) Hội trường đa năng;

c) Khu dịch vụ, vui chơi giải trí;

d) Khu hoạt động chức năng phù hợp với các tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên môn, nghiệp vụ;

đ) Phương tiện chuyên dùng.

2. Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương và quy mô tổ chức của Trung tâm, Ủy ban nhân dân quận 6 quyết định đầu tư cơ sở vật chất theo các quy chuẩn chuyên môn và theo thẩm quyền.

Điều 6. Kinh phí hoạt động

1. Kinh phí hoạt động, gồm:

a) Từ Ngân sách Nhà nước cấp (sau khi cân đối với nguồn thu sự nghiệp): kinh phí đảm bảo cho các hoạt động theo kế hoạch được duyệt và đúng chế độ quy định Nhà nước; kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao; kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị ứng dụng công nghệ phục vụ hoạt động sự nghiệp theo kế hoạch hàng năm.

b) Các nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp:

- Hoạt động nghiệp vụ, chuyên môn;
- Hoạt động dịch vụ, tài trợ, vay tín dụng, vốn liên doanh, liên kết và các nguồn thu hợp pháp khác.

2. Nội dung chi:

- a) Chi đảm bảo thực hiện chức năng, nhiệm vụ;
- b) Chi phục vụ các hoạt động dịch vụ, liên kết;
- c) Chi đảm bảo phát triển sự nghiệp, góp phần nâng cao đời sống của viên chức, nhân viên, người lao động trong tổ chức theo quy định và theo quy chế chi tiêu nội bộ.

3. Cơ chế tài chính:

a) Trung tâm thực hiện cơ chế tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành và hướng dẫn của cơ quan tài chính chuyên ngành;

b) Trung tâm có trách nhiệm quản lý sử dụng có hiệu quả nguồn tài chính và thực hiện chế độ kế toán tài chính theo quy định của Nhà nước.

Điều 7. Chế độ làm việc

1. Giám đốc phụ trách, điều hành các hoạt động của Trung tâm và phụ trách những công tác trọng tâm. Khi vắng mặt, Giám đốc có thể ủy quyền cho một Phó Giám đốc điều hành và giải quyết công việc của Trung tâm. Các Phó Giám đốc phụ

trách các lĩnh vực công tác được Giám đốc phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Giám đốc khác, Phó Giám đốc phụ trách chủ động bàn bạc, thống nhất hướng giải quyết.

3. Trong trường hợp Giám đốc trực tiếp yêu cầu viên chức, nhân viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Giám đốc, yêu cầu đó được thực hiện nhưng viên chức, nhân viên đó phải báo cáo cho Phó Giám đốc trực tiếp phụ trách biết.

Điều 8. Chế độ sinh hoạt, hội họp

1. Hàng tuần, Ban Giám đốc Trung tâm họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi họp giao ban Ban Giám đốc Trung tâm, Phó Giám đốc trực tiếp phụ trách tổ chức họp với các Tổ chuyên môn, nghiệp vụ để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác.

3. Định kỳ hàng quý họp cơ quan một lần. Ngoài ra, Ban Giám đốc có thể triệu tập họp đột xuất để triển khai, phổ biến những công tác đột xuất.

4. Biên bản các buổi họp giao ban, họp cơ quan của Trung tâm phải được Tổ Hành chính - Tổng hợp ghi chép đầy đủ nội dung, ý kiến đóng góp của cán bộ, viên chức, nhân viên dự họp, kết luận của người chủ trì và lưu theo quy định.

Điều 9. Quan hệ công tác

1. Đối với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố:

Trung tâm chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố; thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố.

2. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

Trung tâm chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm. Giám đốc Trung tâm trực tiếp nhận sự chỉ đạo về nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn, ban ngành, đoàn thể thuộc quận:

a) Đối với Phòng Văn hóa và Thông tin quận:

Trung tâm chịu sự quản lý nhà nước của Phòng Văn hóa và Thông tin quận.

b) Đối với các cơ quan chuyên môn khác, ban ngành, đoàn thể thuộc quận:

Trung tâm có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn về chuyên môn; cùng các đơn vị phối hợp thực hiện các chủ trương, chính sách về hoạt động phong trào sự nghiệp văn hóa của Đảng và Nhà nước theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố;

Chủ động xây dựng mối liên kết, liên tịch với các ngành nhằm mục tiêu phát triển sự nghiệp văn hóa vững mạnh, rộng khắp. Định kỳ sáu tháng, năm tổ chức họp sơ, tổng kết với các ngành có ký kết liên tịch để rút kinh nghiệm trong quá trình phối hợp thực hiện kế hoạch. Trung tâm đóng vai trò chủ trì thực hiện.

4. Đối với Ủy ban nhân dân các phường:

Trung tâm có trách nhiệm hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho các thiết chế văn hóa ở các phường để được phát triển toàn diện, rộng khắp.

5. Hoạt động của đoàn thể, tổ chức xã hội trong Trung tâm thực hiện theo quy định của pháp luật và điều lệ của các đoàn thể, tổ chức xã hội đó.

6. Trung tâm quan hệ với các đối tác trong việc thực hiện dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ Quy chế này, Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm triển khai thực hiện và phân công rõ nhiệm vụ cụ thể cho từng viên chức, nhân viên của Trung tâm, ban hành nội quy, quy định phục vụ công tác điều hành, bảo đảm thực hiện chức năng, nhiệm vụ đã được Quy chế quy định.

Toàn thể cán bộ, viên chức, nhân viên thuộc Trung tâm và các đơn vị cơ sở (mạng lưới Văn hóa - Thông tin các phường) có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu gặp vấn đề mới phát sinh, Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm phối hợp với Trưởng Phòng Nội vụ quận đề xuất, trình Ủy ban nhân dân quận 6 quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Hữu Trí

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2013/QĐ-UBND

Bình Chánh, ngày 31 tháng 5 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị
trực thuộc Phòng Quản lý đô thị huyện Bình Chánh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002; và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Công văn số 2345/UBND-VX ngày 17 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Đội Quản lý trật tự đô thị tại các quận, huyện;

Căn cứ Quyết định số 3707/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về thành lập Đội Quản lý trật tự đô thị trực thuộc Phòng Quản lý đô thị huyện Bình Chánh;

Xét Báo cáo thẩm định số 298/BC-TP ngày 29 tháng 5 năm 2013 của Phòng Tư pháp và đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ, tại Tờ trình số 373/TTr-NV ngày 30 tháng 5 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này, Quy chế về tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị trực thuộc Phòng Quản lý đô thị huyện Bình Chánh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Huyện, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Quản lý đô thị, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Tươi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Về tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị
trực thuộc Phòng Quản lý đô thị huyện Bình Chánh**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND
ngày 31 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Đội Quản lý trật tự đô thị trực thuộc Phòng Quản lý đô thị huyện Bình Chánh trong công tác quản lý Nhà nước về trật tự đô thị; vệ sinh môi trường; thi hành các quyết định hành chính và các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Huyện giao.

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh

1. Cán bộ, công chức và người lao động theo chế độ hợp đồng lao động (sau đây gọi tắt là người lao động) làm việc tại Đội Quản lý trật tự đô thị trực thuộc Phòng Quản lý đô thị huyện Bình Chánh;
2. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan thuộc phạm vi áp dụng của Quy chế này.

Chương II

VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA ĐỘI QUẢN LÝ TRẬT TỰ ĐÔ THỊ HUYỆN

Điều 3. Vị trí, chức năng

Đội Quản lý trật tự đô thị trực thuộc Phòng Quản lý đô thị huyện Bình Chánh; có chức năng giúp Ủy ban nhân dân Huyện thực hiện công tác quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực được quy định tại Điều 1 của Quy chế này và theo quy định pháp luật.

Đội Quản lý trật tự đô thị chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Trưởng Phòng Quản lý đô thị, đồng thời, chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các Sở, ngành liên quan.

Đội Quản lý trật tự đô thị không có con dấu và tài khoản riêng; kinh phí hoạt động và việc chi trả tiền lương của Đội Quản lý trật tự đô thị do Phòng Quản lý đô thị thực hiện. Đội có trụ sở làm việc và được trang bị phương tiện làm việc cần thiết theo quy định pháp luật.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn

Đội Quản lý trật tự đô thị có nhiệm vụ và quyền hạn chủ yếu, như sau:

1. Phối hợp với các ngành chức năng tham mưu Trưởng Phòng Quản lý đô thị lập chương trình, kế hoạch về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và kiểm tra việc chấp hành pháp luật trên các lĩnh vực quản lý trật tự đô thị, vệ sinh môi trường trên địa bàn, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện.

2. Tổ chức kiểm tra, lập biên bản và đình chỉ hành vi vi phạm pháp luật trên các lĩnh vực trật tự đô thị và vệ sinh môi trường trên địa bàn Huyện.

3. Phối hợp các ngành liên quan xử lý đối với người lang thang xin ăn, sinh sống nơi công cộng trên địa bàn Huyện theo quy định.

4. Đề xuất Trưởng Phòng Quản lý đô thị xem xét các hành vi vi phạm hành chính trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện quyết định.

5. Theo dõi việc thực hiện các Quyết định hành chính đã ban hành, đôn đốc thực hiện các Quyết định đã có hiệu lực pháp luật thi hành; đề xuất và thực hiện các Quyết định cưỡng chế thực hiện Quyết định hành chính đối với tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính, nhưng không tự nguyện chấp hành.

Phạm vi thực hiện các Quyết định hành chính gồm: Quyết định giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất của cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền ban hành, đã có hiệu lực pháp luật; Quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện, Thành phố, Trung ương (có hiệu lực thi hành trên địa bàn huyện Bình Chánh), Quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện, Thành phố (nếu được phân công) ban hành.

6. Phối hợp với Đội Thanh tra Xây dựng địa bàn thuộc Thanh tra Sở Xây dựng thực hiện các nhiệm vụ theo Công văn số 3281/SXD-TT ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Sở Xây dựng.

7. Tham mưu Trưởng Phòng Quản lý đô thị hướng dẫn, hỗ trợ Ủy ban nhân dân xã - thị trấn thực hiện các Quyết định cưỡng chế khi có yêu cầu.

8. Kiến nghị Trưởng Phòng Quản lý đô thị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện, xử lý cán bộ, công chức, người lao động thuộc quyền quản lý, có hành vi vi phạm pháp luật, thiếu tinh thần trách nhiệm trong thi hành nhiệm vụ, công vụ.

9. Tham mưu, đề xuất Trưởng Phòng Quản lý đô thị giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực trật tự đô thị, vệ sinh môi trường trên địa bàn.

10. Chịu trách nhiệm trước Trưởng Phòng Quản lý đô thị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện về quản lý trật tự đô thị; vệ sinh môi trường; thi hành các Quyết định hành chính trên địa bàn Huyện.

11. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện quy định cụ thể bằng văn bản.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ

Điều 5. Cơ cấu tổ chức

1. Đội Quản lý trật tự đô thị có Đội trưởng và từ 1 đến 2 Đội phó và các thành viên.

Đội trưởng, Đội phó do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định pháp luật. Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị chịu trách nhiệm trước Trưởng Phòng Quản lý đô thị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện về toàn bộ hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị. Đội phó Đội Quản lý trật tự đô thị thực hiện nhiệm vụ do Đội trưởng phân công; chịu trách nhiệm trước Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị về lĩnh vực được phân công phụ trách. Khi Đội trưởng đi vắng phải phân công một Đội phó thay mặt điều hành hoạt động của Đội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đội trưởng:

a) Tham mưu Trưởng Phòng Quản lý đô thị trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện ban hành các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực trật tự lòng lề đường, vệ sinh môi trường và quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân xã - thị trấn

tổ chức triển khai, thực hiện cưỡng chế thi hành các Quyết định hành chính đã có hiệu lực pháp luật.

c) Chỉ đạo, điều hành hoạt động của Đội đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao theo quy định pháp luật và Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội, kịp thời báo cáo Trưởng Phòng Quản lý đô thị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện những vấn đề phức tạp phát sinh khi thi hành Quyết định.

d) Tham mưu, đề xuất Trưởng Phòng Quản lý đô thị ký các văn bản liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Đội theo quy định.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đội phó:

Đội phó có nhiệm vụ giúp Đội trưởng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Quy chế này và thực hiện theo sự phân công của Đội trưởng.

4. Nhiệm vụ của các thành viên:

Chấp hành quy định pháp luật, Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội;

Kiểm tra, kịp thời phát hiện, lập biên bản xử lý theo quy định và tham gia triển khai thực hiện Quyết định xử phạt hành chính.

5. Cơ cấu Đội Quản lý trật tự đô thị, gồm có các Tổ, như sau:

- Tổ Hành chính - quản trị;
- Tổ thi hành Quyết định;
- 16 Tổ địa bàn;
- Tổ cơ động.

Điều 6. Biên chế, công chức

a) Đội Quản lý trật tự đô thị có 53 công chức, 197 người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động. Hàng năm, căn cứ khối lượng công việc và tình hình cụ thể của địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện quyết định số lượng thành viên của Đội Quản lý trật tự đô thị, trên cơ sở đảm bảo bộ máy tinh gọn, hoạt động có hiệu quả, đặc biệt chú trọng chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, người lao động;

b) Việc tuyển dụng công chức, người lao động theo Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và người lao động làm việc tại Đội Quản lý trật tự đô thị do Đội trưởng ký hợp đồng lao động, có sự xác nhận của Trưởng Phòng Quản lý đô thị, trên cơ sở nhu cầu công việc của Đội, đảm bảo đúng số lượng biên chế được giao hàng năm.

c) Căn cứ tình hình cụ thể của xã - thị trấn, Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị phân công nhân sự của Tổ địa bàn.

d) Trong các đợt công tác cao điểm, theo đề nghị của Đội Quản lý trật tự đô thị, Trưởng Phòng Quản lý đô thị trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện huy động thêm lực lượng để hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 7. Chế độ làm việc, hội họp, báo cáo

1. Chế độ làm việc:

a) Đội Quản lý trật tự đô thị thực hiện thời gian làm việc theo quy định của Nhà nước và theo quy định của Ủy ban nhân dân Huyện.

b) Đội trưởng điều hành toàn bộ hoạt động của Đội và chịu trách nhiệm trước Trưởng Phòng Quản lý đô thị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện về hiệu quả công tác của Đội. Đội trưởng phân công công việc cho Đội phó và các thành viên.

c) Thành viên của Đội được phân công nhiệm vụ cụ thể, mặc trang phục theo quy định; có bảng tên đặt tại bàn làm việc; phải đeo thẻ thành viên Đội khi thi hành nhiệm vụ.

d) Từng thành viên phải có tác phong làm việc tận tụy, thái độ lịch sự, khiêm tốn, tôn trọng và chấp hành ý kiến của lãnh đạo Đội; đồng thời, lắng nghe ý kiến của đồng nghiệp, của tổ chức và nhân dân trong quan hệ công tác.

2. Chế độ hội họp, báo cáo:

a) Hàng tuần, Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị tổ chức họp lãnh đạo Đội và các Tổ trưởng để kiểm tra, đánh giá, nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ và triển khai kế hoạch công tác cho tuần sau.

b) Hàng tháng, tổ chức họp Đội để kiểm điểm tình hình thực hiện công tác trong tháng và đề ra công tác cho tháng tiếp theo, đồng thời, phổ biến các chủ trương, chính sách, chế độ mới của Nhà nước và nhiệm vụ mới phải thực hiện.

Khi cần thiết, Đội trưởng có thể tổ chức họp Đội đột xuất hoặc họp với các Tổ trưởng để triển khai các công việc theo yêu cầu của Trưởng Phòng Quản lý đô thị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện.

c) Hàng tháng, quý, 6 tháng và cuối năm, Đội Quản lý trật tự đô thị có báo cáo sơ kết, tổng kết công tác và thống kê báo cáo tình hình thực hiện các Quyết định hành chính trên địa bàn Huyện theo quy định.

d) Cán bộ, công chức, người lao động của Đội Quản lý trật tự đô thị có lịch công tác, do lãnh đạo Đội trực tiếp phê duyệt. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc phải được chuẩn bị chu đáo, để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động của Đội.

Điều 8. Mối quan hệ công tác

1. Đối với các Sở - ngành Thành phố:

Đội Quản lý trật tự đô thị chịu sự thanh tra, kiểm tra của các Sở - ngành về chuyên môn, nghiệp vụ theo Quyết định của Giám đốc Sở; được hướng dẫn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức pháp luật và chính sách, quy định mới của Sở - ngành có liên quan.

2. Đối với Ủy ban nhân dân Huyện:

Đội Quản lý trật tự đô thị thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội do Ủy ban nhân dân Huyện ban hành; phải thường xuyên báo cáo cho Trưởng Phòng Quản lý đô thị, Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân Huyện về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Đối với Phòng Quản lý đô thị:

Đội Quản lý trật tự đô thị chịu sự lãnh đạo và quản lý trực tiếp, toàn diện của Trưởng Phòng Quản lý đô thị; định kỳ hàng tháng, quý, Đội trưởng có trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động của Đội và đề xuất các biện pháp, kiến nghị với Phòng Quản lý đô thị về những việc liên quan đến hoạt động của Đội. Đội trưởng tham dự các buổi họp giao ban hàng tuần, hàng tháng với lãnh đạo Phòng Quản lý đô thị, để báo cáo tình hình, kết quả hoạt động của Đội.

4. Đối với Phòng Tài nguyên và Môi trường:

Đội Quản lý trật tự đô thị có trách nhiệm phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực vệ sinh, môi trường trên địa bàn Huyện theo quy định pháp luật.

5. Đối với Phòng Tài chính - Kế hoạch:

Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm hướng dẫn về kinh phí hoạt động và

các chế độ liên quan (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trích thưởng...), bảo đảm cho Đội hoạt động có hiệu quả.

6. Đối với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội:

Đội Quản lý trật tự đô thị có trách nhiệm phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện chương trình quản lý đối với người lang thang xin ăn, sinh sống nơi công cộng trên địa bàn Huyện theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

7. Đối với Công an Huyện:

Đội Quản lý trật tự đô thị phối hợp với Công an Huyện thực hiện chương trình, kế hoạch công tác liên quan trật tự đô thị, trật tự an toàn giao thông theo sự phân công của Ủy ban nhân dân Huyện.

Được Công an Huyện hỗ trợ, bảo đảm giữ gìn an ninh trật tự trong khi thực hiện Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định hành chính đã có hiệu lực pháp luật.

8. Đối với Phòng Tư pháp:

Đội Quản lý trật tự đô thị có trách nhiệm thông tin, báo cáo số liệu thi hành các Quyết định hành chính theo tháng, quý, 6 tháng, năm;

9. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Đoàn thể và tổ chức xã hội Huyện:

Đội Quản lý trật tự đô thị thường xuyên phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Đoàn thể, tổ chức xã hội Huyện trong việc tuyên truyền, vận động các tổ chức và cá nhân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trên các lĩnh vực liên quan chức năng, nhiệm vụ của Đội.

Khi các tổ chức trên có yêu cầu, kiến nghị những vấn đề thuộc chức năng của Đội, Đội trưởng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc tham mưu Trưởng Phòng Quản lý đô thị trình Ủy ban nhân dân Huyện, giải quyết các yêu cầu đó theo quy định.

10. Đối với các cơ quan, đơn vị tham mưu Ủy ban nhân dân Huyện ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

Đội Quản lý trật tự đô thị phối hợp với các cơ quan, đơn vị thực hiện việc thi hành các Quyết định hành chính; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức, cá nhân trên địa bàn Huyện.

11. Đối với Ủy ban nhân dân xã - thị trấn:

Đội Quản lý trật tự đô thị hỗ trợ Ủy ban nhân dân xã - thị trấn thực hiện Quyết định cưỡng chế khi có yêu cầu; phối hợp tổ chức kiểm tra, lập biên bản và đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện xử lý các hành vi vi phạm hành chính của tổ chức, cá nhân theo thẩm quyền quy định.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - thị trấn phối hợp với Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị, theo dõi, chỉ đạo hoạt động của Tổ địa bàn; đề xuất Trưởng Phòng Quản lý đô thị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện khen thưởng, xử lý kỷ luật công chức, người lao động đúng quy định.

Chương V**KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH**

Điều 9. Kinh phí hoạt động (chế độ, phương tiện, trang phục, phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, khen thưởng...) và chế độ chính sách đối với các thành viên của Đội Quản lý trật tự đô thị, thực hiện theo quy định.

Chương VI**KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT****Điều 10. Khen thưởng**

Cán bộ, công chức, người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, được xét khen thưởng theo quy định.

Điều 11. Kỷ luật

Cán bộ, công chức, người lao động vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo Luật Cán bộ, công chức, Bộ Luật Lao động hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật.

Chương VII**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 12. Trưởng Phòng Quản lý đô thị huyện Bình Chánh và Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

Quy chế này là cơ sở pháp lý để Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị điều hành,

quản lý đơn vị; là căn cứ để Phòng Quản lý đô thị và Ủy ban nhân dân Huyện giao nhiệm vụ cho Đội Quản lý trật tự đô thị.

Trong quá trình thực hiện, Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị có quyền đề xuất Trưởng Phòng Quản lý đô thị kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện ban hành Quyết định bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế cho phù hợp với tình hình thực tế của Huyện và quy định pháp luật./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Tươi

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2599/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 5 năm 2013***QUYẾT ĐỊNH****Phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Trung An,
huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ, về ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Xét Tờ trình số 31/TTr-BQL, ngày 11 tháng 4 năm 2013 của Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Trung An, huyện Củ Chi về việc phê duyệt Đề án Nông thôn mới xã Trung An, huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015 có ý kiến phê duyệt của Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi, ý kiến đề xuất của Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố tại Thông báo số 278/TB-TCT-PTNT ngày 26 tháng 9 năm 2012; đề xuất của Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính tại Tờ trình số 675/TTr-NNPTNT-KHĐT-TC ngày 23 tháng 4 năm 2013 về phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, giai đoạn 2013 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Trung An, huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015 (theo nội dung đề án đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh thay đổi về cơ chế, chính sách đầu tư xã nông thôn mới, Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi,

Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Trung An nghiên cứu, đề xuất kịp thời điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải và các Sở, ngành liên quan, Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Trưởng Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Trung An và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Trung An - huyện Củ Chi có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

Xây dựng nông thôn mới xã Trung An, huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2599/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Phần I

THỰC TRẠNG NÔNG THÔN XÃ TRUNG AN - HUYỆN CỦ CHI

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - DÂN SỐ LAO ĐỘNG:

1. Đặc điểm tự nhiên:

Xã Trung An nằm cách thị trấn Củ Chi khoảng 13 km theo hướng Đông - Bắc.

- Đông giáp Sông Sài Gòn; xã Chánh Mỹ, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; xã Hòa Phú, huyện Củ Chi;

- Tây giáp xã Phú Hòa Đông, xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi;

- Nam giáp xã Hòa Phú, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ chi;

- Bắc giáp Sông Sài Gòn; xã Phú An, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Xã Trung An được chia ra làm 6 ấp:

- Ấp Thạnh An: 560,9 ha;

- Ấp Hội Thạnh: 126,7 ha;

- Ấp Chợ: 70,9 ha;

- Ấp An Hòa: 517,4 ha;

- Ấp An Bình: 147,8 ha;

- Ấp Bốn Phú: 575,9 ha.

Tổng diện tích đất tự nhiên của xã là 1.999,48 ha, gồm:

- Đất nông nghiệp: 1.548,12 ha chiếm 77% diện tích tự nhiên.

- Đất phi nông nghiệp (đất chuyên dùng, đất ở...): 447,96 ha chiếm 22,5%.

2. Dân số:

- Tổng số nhân khẩu: 17.094 nhân khẩu;
- Tổng số hộ: 5.835 hộ, phân ra các ấp như sau:
 - + Ấp Thạnh An: 1.596 hộ với 4.455 nhân khẩu, diện tích đất tự nhiên bình quân 1.259 m²/nhân khẩu;
 - + Ấp Hội Thạnh: 2.163 hộ với 5.155 nhân khẩu, diện tích đất tự nhiên bình quân 245 m²/nhân khẩu;
 - + Ấp Chợ: 690 hộ với 2.176 nhân khẩu, diện tích đất tự nhiên bình quân 299 m²/nhân khẩu;
 - + Ấp An Hòa: 619 hộ với 2.316 nhân khẩu, diện tích đất tự nhiên bình quân 223 m²/nhân khẩu;
 - + Ấp An Bình: 405 hộ với 1.547 nhân khẩu, diện tích đất tự nhiên bình quân 955 m²/nhân khẩu;
 - + Ấp Bón Phú: 362 hộ với 1.445 nhân khẩu, diện tích đất tự nhiên bình quân 3.985 m²/nhân khẩu.

3. Lao động:

- Tổng số lao động trong độ tuổi: 10.598 người, chiếm tỷ lệ 62%. Số lao động chưa có việc làm là 620 người, chiếm tỷ lệ là 5,85%. Trong tổng số lao động trên địa bàn xã thì số lao động nông nghiệp là 4.240 người, chiếm tỷ lệ 40% số người trong độ tuổi lao động, độ tuổi lao động nông nghiệp hiện nay ra đồng ở độ tuổi từ 40 - 45 là phổ biến. Lao động hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp là 36,36% và lao động hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ là 23,64%.

II. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI:**1. Quy hoạch:****1.1. Quy hoạch sử dụng đất:**

- Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Củ Chi đã phê duyệt quy hoạch sử dụng đất tại xã Trung An đến năm 2010, đang tiến hành lập quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2020 (dự kiến hoàn thành đầu năm 2014).

1.2. Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội môi trường theo chuẩn mới và quy hoạch phát triển các khu dân cư mới, chỉnh trang các khu dân cư hiện có:

+ Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội môi trường theo chuẩn mới chưa thực hiện.

+ Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới, chỉnh trang các khu dân cư hiện có: Đã thực hiện quy hoạch chỉnh trang 04 khu dân cư theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hóa.

2. Hạ tầng kinh tế - xã hội:

2.1. Giao thông:

Xã có 2 tuyến đường tỉnh lộ đi qua là Tỉnh lộ 8 và Tỉnh lộ 15 với chiều dài 4,830 km, rộng 9 m mặt đường trải nhựa. Đây là tuyến đường giao thông quan trọng nhất cho phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội.

Hiện tại tổng chiều dài các tuyến đường giao thông của xã là: 60,11 km. Trong đó:

- + Đường trục xã, liên xã đã được nhựa hóa: 8,844 km/8,844 km;
- + Đường trục ấp, liên ấp: 17,178 km/19,96 km (còn 2,782 km chưa đạt);
- + Đường ngõ, xóm: 14,925 km/18,275 km (còn 3,35 km chưa đạt);
- + Đường giao thông nội đồng đi lại thuận lợi: 7,49 km/13,04 km (5,55 km chưa đạt).

2.2. Thủy lợi:

Trung An có hệ thống sông, rạch phong phú (khoảng 70 kênh, rạch). Xã có sông Sài Gòn bao bọc từ Đông đến Bắc là con đường thủy huyết mạch dùng để chuyên chở vật tư giao thương và du lịch sinh thái.

Hệ thống tưới, tiêu của xã hiện tại phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp, nhưng do đặc điểm là sông Sài Gòn có lượng phù sa bồi đắp hàng năm lớn nên hàng năm cần nâng cấp nạo vét và kết hợp với giao thông nội đồng.

2.3. Điện:

- Số trạm biến áp 58 đều đạt yêu cầu (Các trạm biến áp chủ yếu quản lý bởi các công ty, doanh nghiệp để cung cấp điện phục vụ cho sản xuất hàng hóa).

- Số km đường dây hạ thế 46 km.

- Số km đường dây trung thế 43 km.

- Tất cả các tuyến đường chính đều có bóng điện. 100% hộ dân sử dụng điện trực tiếp từ lưới điện quốc gia.

- Mức độ đáp ứng yêu cầu về điện cho sản xuất 100%.

2.4. Trường học:

- Trường mầm non: Hiện tại xã có 2 trường mầm non, mẫu giáo gồm;

+ Trường mầm non Trung An 1 với tổng diện tích toàn trường là 3.611,6 m², tổng diện tích xây dựng là 423,2 m², diện tích sân chơi 423,2 m².

+ Trường mầm non Trung An 2 với tổng diện tích toàn trường là 11.832,9m², tổng diện tích xây dựng là 2.727,6 m², diện tích sân chơi 6.000 m².

- Trường tiểu học: Hiện Trường tiểu học Trung An đạt chuẩn quốc gia trên diện tích là 11.571 m² đảm bảo tốt điều kiện học tập cho khoảng 1000 học sinh là con em các ấp trên địa bàn.

- Trường Trung học cơ sở: Xã Trung An có 1 trường trung học cơ sở mới xây đạt chuẩn quốc gia, nhưng chưa đảm bảo sĩ số học sinh theo chuẩn.

2.5. Cơ sở vật chất văn hóa:

- Số nhà văn hóa xã, ấp: Hiện tại trên địa bàn xã chưa có nhà văn hóa phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí của người dân, chủ yếu các điểm sinh hoạt văn hóa văn nghệ diễn ra tại trụ sở văn phòng của mỗi ấp riêng biệt hoặc tự phát tại nhà người dân. Xã Trung An có 6 ấp, đều có văn phòng ấp, góc truyền thống tương đối hoàn thiện. Diện tích đất mặt bằng của văn phòng các ấp trung bình khoảng 300 - 500 m².

- Khu thể thao của xã, ấp: Xã có 1 sân vận động xã; 02 sân cỏ nhân tạo của tư nhân do người dân xây dựng và quản lý, còn lại chủ yếu là các sân bóng đá, bóng chuyền mang tính tự phát ở các bãi đất trống chưa vào quy hoạch cụ thể chi tiết. Sân vận động thể thao xã có diện tích khoảng hơn 5.000m².

- Đài truyền thanh xã: Xã có 01 đài truyền thanh và 14 cụm loa không dây phân bố trên địa bàn 6 ấp.

2.6. Chợ nông thôn:

- Xã Trung An có 1 chợ trung tâm với năng lực thiết kế là 36 điểm kinh doanh. Số điểm kinh doanh trong chợ thực tế là 32 và hoạt động tương đối hiệu quả.

2.7. Bưu điện:

- Xã có 1 bưu điện văn hóa phục vụ cơ bản được nhu cầu của người dân với diện tích 150m², diện tích xây dựng là 50 m².

- Ngoài ra xã có 5 điểm phục vụ bưu chính, viễn thông và đều có đường truyền internet đến ấp.

- Về hệ thống thông tin liên lạc: toàn xã có số điện thoại cố định là 1.225 cái; bình quân 3 hộ thì có 1 máy điện thoại cố định.

2.8. Nhà ở dân cư nông thôn:

- Tổng số nhà ở trên địa bàn xã là 3.172 căn, diện tích xây dựng ước khoảng 25.500 m²

- Do phát động phong trào xóa nhà tranh tre, vách nát từ năm 2005, chính vì vậy xã đã cơ bản xóa nhà tranh tre và chỉ còn 3 căn nhà xuống cấp chuẩn bị xây dựng.

3. Thực trạng kinh tế và tổ chức sản xuất:

3.1. Thu nhập:

- Thu nhập bình quân đầu người: 18,2 triệu đồng/người/năm, bằng khoảng 83,3% mức thu nhập bình quân chung của huyện Củ Chi (21,6 triệu đồng/người/năm)

3.2. Hộ nghèo:

- Số lượng hộ nghèo theo tiêu chí 12 triệu đồng/người/năm: 424 hộ, chiếm tỷ lệ 7,2 % trên tổng số hộ toàn xã (5.835 hộ).

3.3. Cơ cấu lao động:

- Ngành nông nghiệp (40%); ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp (36,36%); ngành thương mại và dịch vụ (23,64%).

3.4. Hình thức tổ chức sản xuất:

Trung An với diện tích đất nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao (77,5%).

- Về nông nghiệp: có 1 trang trại chăn nuôi heo (trên 30 nái và 30 heo thịt/trang trại; 01 trang trại nuôi cá sấu của bà Võ Thị Nga, 01 trang trại của công ty Hải Thanh, cá kiểng...).

- Về thương mại dịch vụ có 1 chợ với 50 tiểu thương và khoảng 450 hộ kinh doanh.

- Trên địa bàn xã có 57 doanh nghiệp sản xuất ở các lĩnh vực may gia công quần áo, làm giày, may giỏ, cơ khí, gốm sứ...

4. Văn hóa, xã hội và môi trường:

4.1. Giáo dục:

- Phổ cập giáo dục trung học tỷ lệ 87%.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) trong năm 2012 là 85%.

- Số lao động đã qua đào tạo là 3.762 người chiếm tỷ lệ 35,5% trong tổng số lao động. Lao động qua đào tạo của xã được đào tạo trong các công ty, xí nghiệp trong quá trình làm việc và đào tạo chuyên môn kỹ thuật từ sơ cấp trở lên. Số lao động được đào tạo chuyên môn, kỹ thuật từ sơ cấp trở lên khoảng 1.586 lao động.

- Tỷ lệ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi: 99%.

4.2. Y tế:

- Xã có 1 trạm y tế đạt chuẩn quốc gia với vốn đầu tư hơn 5 tỷ đồng. Về nhân sự với 10 giường bệnh và 07 y, bác sỹ.

- Hiện tại, tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế là 55%, trẻ em được tiêm đủ các loại vacxin dưới 1 tuổi là 100%. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng < 5 tuổi là 1,64%. Tỷ lệ phụ nữ sinh con thứ 3 trở lên là 4,85%.

4.3. Văn hóa:

- Ranh giới hành chính xã Trung An được phân chia thành 6 ấp, trong năm 2012 có 5 ấp đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa, đạt tỷ lệ 83,33%; 01 ấp còn lại không đạt là do vi phạm về số lượng trường hợp sinh con thứ 3; 92% gia đình đạt tiêu chuẩn Gia đình Văn hóa.

4.4. Môi trường:

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh: 100% hộ dân tại xã đều dùng nước giếng khoan ở tầng nước đạt tiêu chuẩn vệ sinh. Hiện tại, số hộ tham gia sử dụng nước máy là 300 hộ với 1.303 người, bình quân mỗi hộ sử dụng 1m³/ngày. Xã có 1 trạm cấp nước máy với năng lực thiết kế là 450 m³/ngày.

- Tình hình xử lý chất thải: Hiện tại đã có 6/6 ấp đã có các đội thu gom rác thải với 1.538 hộ đăng ký thu gom rác, chiếm khoảng 50% số hộ. 45% số hộ còn lại được thu gom và chôn lấp tại nhà theo quy định.

- Trên địa bàn xã có 57 doanh nghiệp sản xuất ở các lĩnh vực may gia công quần áo, làm giày, may giỏ, cơ khí, gốm sứ... Các doanh nghiệp cơ bản đạt không gây ô nhiễm môi trường.

- Nghĩa trang: Hiện trạng chôn cất của người dân trong xã đa số chôn cất tại các nghĩa trang gia tộc trải rộng khắp các ấp. Trên địa bàn xã có 1 nghĩa trang với diện tích là 32.000 m² nhưng chưa được quy hoạch

5. Hệ thống chính trị và an ninh trật tự xã hội:

5.1. Hiện trạng cán bộ, công chức xã đạt chuẩn:

Số lượng cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách của Ủy ban nhân dân xã Trung An được giao năm 2012 là 47 người: trong đó 25 cán bộ và công chức; 22 cán bộ không chuyên trách. Số lượng hiện có tính đến tháng 12 năm 2012 là 10 cán bộ, 8 công chức và 21 cán bộ không chuyên trách.

5.2. Tình hình hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở:

Trong năm 2011, Đảng bộ xã được đánh giá là đảng bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ; xã có đủ các hệ thống tổ chức đoàn thể theo quy định được đánh giá là xuất sắc; Ủy ban nhân dân xã đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến.

Ủy ban nhân dân xã: thực hiện mô hình 1 cửa liên thông về cải cách hành chính khá nề nếp. Trình độ cán bộ, công chức không ngừng được nâng cao.

5.3. Tình hình trật tự xã hội - an ninh trên địa bàn:

Tình hình an ninh chính trị luôn được giữ vững. Hàng năm Đảng ủy có Nghị quyết, Ủy ban nhân dân xã có kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh trật tự và trật tự an toàn giao thông đô thị. Lực lượng công an xã luôn được xây dựng và củng cố ngày càng trong sạch vững mạnh. Cùng phối hợp với nhân dân thực hiện công tác phòng ngừa tội phạm, không để xảy ra hoạt động phá hoại các mục tiêu, công trình văn hóa, an ninh - quốc phòng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; không xảy ra hoạt động tuyên truyền, chiến tranh tâm lý chống phá về chính trị.

Phần II

NỘI DUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI XÃ TRUNG AN ĐẾN NĂM 2015

I. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2015:

1. Mục tiêu chung:

- Xây dựng xã Trung An trở thành xã nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa thể hiện các đặc trưng: có kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn được nâng cao; có kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội hiện đại, có các hình thức sản xuất phù hợp, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ... nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở xã thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Xây dựng xã Trung An trở thành xã nông thôn mới theo phương pháp tiếp cận dựa vào nội lực và do cộng đồng địa phương làm chủ.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Hoàn thành 19/19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới.

+ Năm 2012 xã đạt 10/19 tiêu chí, gồm: 3, 4, 7, 8, 12, 13, 15, 16, 18, 19;

+ Năm 2013: 12/19 tiêu chí (đạt thêm 2 tiêu chí: 1, 17);

+ Năm 2014: 17/19 tiêu chí (đạt thêm 5 tiêu chí: 2, 5, 6, 9, 14);

+ Năm 2015: 19/19 tiêu chí (đạt thêm 2 tiêu chí: 10, 11).

* Những chỉ tiêu cụ thể:

- Thu nhập bình quân đầu người năm tăng gấp 1,8 lần so với bình quân lúc xây dựng đề án. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn thành phố (dưới 12 triệu đồng/người/năm): giảm dưới 2%.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - Thương mại, dịch vụ - Nông nghiệp theo tỷ lệ: 75% - 13% - 12%. Cơ cấu lao động trong lĩnh vực nông nghiệp (tỷ lệ lao động ở độ tuổi làm việc trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp) giảm bình quân 5%/năm. Đào tạo nghề cho trên 350 lao động. Giải quyết việc làm cho 600 - 700 lao động.

- Chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị hiệu quả cao, an toàn vệ sinh dịch bệnh. Trong đó, quy hoạch sản xuất Rau an toàn 26 ha; Hoa cây kiểng: 60 ha (gồm cả 36 ha hoa, hoa nền Hợp tác xã Hà Quang); vườn cây ăn trái 500 ha, Cá cảnh: 5 ha; Cỏ: 250 ha (1 ha cỏ phục vụ chăn nuôi khoảng 15 con bò); Bò sữa: 4.000 con; Heo: 4.000 con; Thủy đặc sản khác: 20 ha.

- Xây dựng mạng lưới giao thông nông thôn với chất lượng bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại, vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản và phát triển du lịch sinh thái. Phấn đấu 100% trục nối giữa các ấp, tổ trong ấp, liên tổ được cứng hóa, không lầy lội vào mùa mưa và được nhựa hóa các tuyến đường trục chính phục vụ đi lại vào các khu du lịch sinh thái.

- Kiên cố hóa trường, lớp, hoàn thiện các điều kiện về cơ sở vật chất trong hệ thống các trường học, tiến tới hiện đại hóa các phương tiện dạy học.

- Xây dựng đời sống văn hóa ở nông thôn với 6/6 ấp đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa; tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 98%; tỷ lệ người tham gia hoạt động thể dục, thể thao thường xuyên đạt 50% và tham gia các hoạt động văn nghệ đạt 20%; tỷ lệ đám cưới, đám tang thực hiện nếp sống văn hóa đạt 85%.

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%; tỷ lệ hộ sản xuất nông nghiệp và cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn môi trường 100%; Quy hoạch, xây dựng quy chế quản lý nghĩa trang đạt chuẩn 100%.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng, hoạt động của các hội, đoàn thể thông qua việc vận động tuyên truyền hội viên, đoàn viên làm nòng cốt trong phong trào xây dựng nông thôn mới.

- Tỷ lệ cán bộ xã đạt chuẩn là 100%; hoạt động của Đảng bộ đạt tiêu tiến trở lên. An ninh trật tự xã hội luôn được giữ vững.

II. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ:

1. Công tác quy hoạch:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 1 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện: Hoàn thành Quy hoạch theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTNMT của liên bộ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội:

2.1. Giao thông:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 2 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới; Tập trung phát triển đồng bộ và bền vững mạng lưới giao thông của xã.

b) Nội dung thực hiện:

- Xây dựng mới, cải tạo và nâng cấp lên bê tông, nhựa tưới, sỏi đỏ: 11,682 km bao gồm các loại đường:

+ Mở rộng, nâng cấp đường trục ấp, liên ấp từ nền đất và cấp phối sỏi đỏ lên nhựa tưới: 2.782 km.

+ Mở rộng, nâng cấp đường ngõ xóm lên cấp phối sỏi đỏ hoặc láng nhựa: 3,350 km.

+ Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường nội đồng lên cấp phối sỏi đỏ: 5,55 km.

2.2. Thủy lợi:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 3 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện: Nạo vét, nâng cấp bờ bao kết hợp giao thông nông thôn ước tính 6.870 m.

2.3. Điện:

- a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 4 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.
- b) Nội dung thực hiện: Vận động, tuyên truyền và có chính sách hỗ trợ người dân sử dụng các thiết bị điện tiết kiệm (đèn huỳnh quang thay thế đèn dây tóc).

2.4. Trường học:

- a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới
- b) Nội dung thực hiện: Cải tạo nâng cấp

+ Xây thêm phòng âm nhạc cho Trường mầm non Trung An 2.

+ Xây thêm 10 phòng học cho Trường trung học cơ sở Trung An.

2.5. Cơ sở vật chất văn hóa:

- a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 6 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.
- b) Nội dung: Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao trên địa bàn xã.

- Xây mới, nâng cấp ban dân ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa: 06 trụ sở Ban ấp;

- Chính trang đài liệt sỹ.

- Nâng cấp hệ thống đài tuyên thanh.

2.6. Chợ:

- a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 7 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới, gồm:

- Hình thành nơi kinh doanh các mặt hàng chủ yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của người dân; xây dựng và phát triển kinh doanh các mặt hàng đặc trưng của địa phương (sản phẩm nông nghiệp) đồng thời có các hoạt động văn hóa khác, có mục đích quảng bá các giá trị văn hóa truyền thống của xã và thu hút khách du lịch.

- b) Nội dung thực hiện: Nâng cấp 01 chợ Trung An

2.7. Bưu điện:

- a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới
- b) Nội dung thực hiện: Nâng cấp bưu điện văn hóa xã, duy tu và nâng cấp hệ thống Internet tốc độ cao, bổ sung thêm dung lượng.

2.8. Nhà ở dân cư:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 09 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới. Phân đầu đạt tỷ lệ 100% không còn nhà tạm, dột nát.

b) Nội dung thực hiện: Tiếp tục cải tạo, xây dựng mới, nâng cấp nhà ở của người dân đạt chuẩn 600 căn nhà, chiếm khoảng 20% số nhà ở của dân cư.

Gắn nhà ở trong mối quan hệ với xây dựng môi trường nông thôn, việc xây dựng, sửa chữa, cải tạo nhà ở cần tạo diện mạo, mỹ quan, văn minh, sạch đẹp cho nông thôn. Do đó xây dựng nhà ở không chỉ bền chắc mà cần phải đẹp, có tính mỹ thuật trong quá trình thiết kế, thi công công trình.

3. Phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức:

3.1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập (thành tựu sản xuất):

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 10 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới,

b) Nội dung thực hiện:

3.1.1. Chuyển đổi diện tích cây con kém hiệu quả (lúa 339,23 ha, mía 105 ha), diện tích đất bỏ hoang sang xây dựng các mô hình nông nghiệp đô thị đảm bảo an toàn vệ sinh dịch bệnh, môi trường và mang lại hiệu quả kinh tế cao:

a) Cây kiểng, hoa nền...

- Quy mô dự kiến: 60 ha;

- Các chủng loại thường gặp ở mô hình này là: Mai vàng (mai ghép nhiều màu, mai tai giáo...), Bon sai (gồm một số loại như cùm rùm, tắc, khế, mai, cần thăng)...; Kiểng lớn như mai chiếu thủy, kiểng lá...; Hoa cao cấp như lan cắt cành Mokara, Dendrobium, hoa hồng; các loại cá cảnh có giá trị cao.

b) Mô hình trồng các loại rau ăn lá, quả an toàn:

- Quy mô dự kiến: 26 ha.

- Mỗi mô hình đầu tư khoảng 10,0 - 15,0 triệu đồng cho việc lên líp, cải tạo đồng ruộng. Mô hình cần liên kết nhiều hộ trồng rau trên một địa bàn lại với nhau nhằm góp sức giải quyết đầu vào, đầu ra cho sản phẩm.

c) Ứng dụng mô hình công nghệ cao trong chăn nuôi trên địa bàn xã (trồng cỏ cao sản VA06 kết hợp chăn nuôi bò sữa, bò thịt; xử lý chất thải thông qua làm biogas hay nuôi trùn quế; cải tạo chuồng trại theo hướng công nghiệp - khép kín, kết hợp tham quan, bán sản phẩm phục vụ du lịch):

- Quy mô dự kiến: 250 ha.

- Đưa đàn bò sữa tăng lên 4.000 con, với năng suất 5.000 kg sữa/chu kỳ tương ứng với diện tích đất trồng cỏ là 250 ha; mô hình có giá trị kinh tế cao như heo rừng, nhím, cá chình, cá cảnh...

3.1.2. Khai thác tốt lợi thế của xã về tiềm năng du lịch sinh thái vườn để phát triển kinh tế trên địa bàn xã:

- Cải tạo các vườn cây ăn trái, hoa cây kiềng... Nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu phát triển các vườn cây ăn trái kết hợp du lịch sinh thái nhà vườn trên diện tích 500 ha.

- Tổ chức các điểm nghỉ chân để phối hợp, liên kết với các tuyến du lịch sinh thái ven sông Sài Gòn: tham quan các vườn trái cây, các khu du lịch sinh thái như vườn trái cây ấp Bốn Phú, An Hòa chú trọng phát triển loại hình sản xuất nông nghiệp đô thị kết hợp dịch vụ du lịch sinh thái.

3.1.3. Xây dựng các mô hình sản xuất tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn: như mô hình thanh niên lập nghiệp, các nghề dịch vụ chụp ảnh, sửa vi tính, sửa chữa xe gắn máy...

3.2. Hỗ trợ các hộ dân thuộc diện nghèo của xã phát triển sản xuất nâng cao thu nhập thoát khỏi diện nghèo theo chuẩn mới (hộ nghèo):

- Hỗ trợ các hộ thuộc diện nghèo của xã thông qua việc hỗ trợ trang thiết bị phục vụ sản xuất.

- Thông qua việc vay vốn có hỗ trợ lãi suất để các hộ thuộc diện xóa đói giảm nghèo có vốn đầu tư phát triển sản xuất nông cao thu nhập.

- Thông qua việc hỗ trợ đào tạo nghề từ đó làm cơ sở để có được việc làm có thu nhập cao.

- Tăng cường thực hiện chức năng giám sát phân biện xã hội của các tổ chức chính trị - xã hội, góp phần đảm bảo các chính sách an sinh xã hội của Nhà nước thực sự hỗ trợ được người nghèo và các đối tượng chính sách.

- Hỗ trợ đào tạo nghề cho 150 lao động;

3.3. Tỷ lệ lao động có việc làm:

a) Mục tiêu:

- Từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang các ngành phi nông nghiệp. Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 70%, trong đó có 40% là lao động nữ.

- Thực hiện lồng ghép các chương trình dạy nghề cho nông dân biết về quản lý kinh tế, vững về kỹ thuật, khả năng tiếp thị; cán bộ xã giỏi về phát triển nông thôn, là nòng cốt góp phần quan trọng trí thức hóa nông thôn.

- Các chỉ tiêu cụ thể:

+ Đào tạo nghề cho 350 lao động;

+ Vận động tự đi học, doanh nghiệp đào tạo,...: 4.500 lao động.

+ Giải quyết việc làm cho 600 - 700 lao động.

b) Nội dung thực hiện:

- Ban quản lý liên kết chặt chẽ với trường dạy nghề trên địa bàn huyện và với các doanh nghiệp nhằm có định hướng đào tạo công nhân kỹ thuật để giải quyết lao động.

- Đào tạo nghề cấp chứng chỉ, tập huấn kỹ thuật sản xuất cho nông dân, kỹ năng khuyến nông cho cán bộ khuyến nông cơ sở, nông dân giỏi.

- Đẩy mạnh hợp tác, liên kết giữa các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp, Trường đại học, Viện nghiên cứu... với nông dân, hộ sản xuất trong công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, giống mới, công nghệ sau thu hoạch.

- Đào tạo và nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ kế toán cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp của xã, hợp tác xã nông nghiệp, tổ hợp tác sản xuất, doanh nghiệp.

3.4. Các hình thức tổ chức cần phát triển:

a) Mục tiêu:

- Duy trì, nâng cao hiệu quả hoạt động của 5 tổ hợp tác và 1 hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp, ngành nghề nông thôn tại xã; nâng cao đóng góp của kinh tế tập thể vào tăng trưởng kinh tế tại xã, xóa đói giảm nghèo một cách bền vững, tạo thêm việc làm mới và bảo vệ môi trường.

- Chỉ tiêu phấn đấu:

+ Duy trì và củng cố 4 tổ hợp tác và 1 hợp tác xã.

+ Kêu gọi các doanh nghiệp có năng lực đầu tư trong cụm công nghiệp xã.

b) Nội dung thực hiện:

- Tuyên truyền, vận động nhằm giúp người nông dân nắm bắt được chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế tập thể.

- Bồi dưỡng, đào tạo: các chức danh tổ trưởng tổ hợp tác, chủ nhiệm, ban quản trị phải được nâng cao về năng lực quản lý.

- Hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu như trang thiết bị phục vụ thông tin liên lạc, đào tạo trao đổi, cập nhật thông tin (điện thoại, máy fax, máy vi tính, máy in).

- Hỗ trợ để mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất - kinh doanh, dịch vụ của các tổ chức kinh tế tổ hợp tác, hợp tác xã.

4. Văn hóa, xã hội và môi trường:

4.1. Giáo dục:

a) Mục tiêu:

- Phổ cập giáo dục trung học: 90%; Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề...): 95%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo 70%, trong đó nữ tối thiểu là 40%.

b) Nội dung thực hiện:

- Ban quản lý xây dựng nông thôn xã phối hợp với các đoàn thể nắm bắt các trường hợp trẻ em bỏ học và kịp thời có sự hỗ trợ, động viên các em đến trường. Đảm bảo 100% trẻ em trong độ tuổi đến trường được học tập, phổ cập giáo dục bậc tiểu học và trung học.

- Phân nguồn lao động trên địa bàn xã thành 3 nhóm và đưa ra những hình thức đào tạo cụ thể cho từng nhóm lao động: nhóm chuyên dịch lao động ra khỏi sản xuất nông nghiệp; nhóm lao động trong lĩnh vực nông nghiệp và nhóm là chủ các doanh nghiệp đóng trên địa bàn xã.

4.2. Y tế:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 15 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung: Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trong lĩnh vực về y tế, đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Vận động nâng tỷ lệ của người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế đạt 75%.

4.3. Xây dựng đời sống văn hóa phong phú lành mạnh:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 16 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung:

* Nội dung 1: Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa,

đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Xã có từ 70% số ấp trở lên đạt tiêu chuẩn làng văn hóa.

* Nội dung 2: Thực hiện thông tin và truyền thông nông thôn, đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Đến năm 2015, 100% ấp đạt tiêu chuẩn.

4.4. Bảo vệ và phát triển môi trường nông thôn:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới; đảm bảo cung cấp đủ nước sinh hoạt sạch và hợp vệ sinh cho dân cư, trường học, trạm y tế, công sở và các khu dịch vụ công cộng; thực hiện các yêu cầu về bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái trên địa bàn xã.

b) Nội dung:

- Các chỉ tiêu phấn đấu:

+ Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: 100%;

+ Tỷ lệ hộ đăng ký thu gom rác: 85%;

+ Tỷ lệ hộ có cơ sở chăn nuôi hợp vệ sinh: 100%;

+ Tỷ lệ hộ chăn nuôi gia súc xây dựng hầm biogas: 100%;

+ Tỷ lệ hộ có đủ 3 công trình (nhà tắm, hố xí, bể nước) đạt chuẩn: 90%;

+ Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường: 100%;

+ Chính trang 1 nghĩa trang xã tại ấp An Bình (vốn nông thôn mới 10.000,0 triệu đồng). Gồm: san lấp mặt bằng, xây dựng tường bao, các công trình phụ trợ.

- Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, vận động người dân thực hiện tốt các quy định về vệ sinh môi trường và phòng chống ô nhiễm môi trường sản xuất (nông nghiệp và ngành nghề nông thôn).

- Ủy ban nhân dân xã khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển sản xuất theo hướng sạch, giảm thiểu ô nhiễm môi trường; phạt hành chính hay đề xuất huyện ra quyết định đóng cửa cơ sở hay tổ chức sản xuất - kinh doanh vi phạm về môi trường.

- Xây dựng mô hình mẫu về tổ, ấp có hệ thống xử lý nước thải của hộ đạt tiêu chuẩn môi trường. Tại những ấp có mật độ dân cư đông, nhiều công nhân, giao cho các đoàn thể vận động đoàn viên, hội viên phân loại rác thải trong sinh hoạt và hình thành tổ hợp tác thu gom rác dân lập để vận chuyển rác thải tới khu xử lý rác của huyện Củ Chi.

- Thực hiện tiêu chí “3 xanh”: đường xanh - vườn xanh và nhà xanh, giao các hội đoàn thể tiếp tục triển khai “Hội thi môi trường Xanh - Sạch - Đẹp” kết hợp trồng cây xanh trên các trục đường đã được quy hoạch trên qui mô xã, trồng cây xanh nơi công sở và doanh nghiệp, đăng ký chỉ tiêu thi đua cho từng ấp.

- Xây dựng 110 hầm biogas cho các hộ chăn nuôi, 30 hố xí hợp vệ sinh đảm bảo vệ sinh môi trường và nâng cao hiệu quả sản xuất chăn nuôi.

5. Hệ thống chính trị và an ninh trật tự xã hội:

5.1. Củng cố, nâng cao chất lượng và vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 18 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung:

- Nội dung 1: Phấn đấu, duy trì Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh”. Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên theo quy định của từng tổ chức.

- Nội dung 2: Xây dựng, ban hành các quy định thu hút cán bộ trẻ đã được đào tạo, đủ tiêu chuẩn về công tác ở các xã để nhanh chóng chuẩn hóa đội ngũ cán bộ xã.

5.2. An ninh chính trị và trật tự xã hội:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 19 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung:

* Nội dung 1: Thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng và ban hành nội quy, quy ước làng xóm về trật tự, an ninh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và các hủ tục lạc hậu;

* Nội dung 2:

- Nâng cao hiệu quả quản lý của chính quyền cơ sở; vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, hạn chế đơn thư khiếu nại, tố cáo.

- Quan tâm công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân; giải quyết kịp thời, dứt điểm đúng quy định của pháp luật, không để tình trạng khiếu kiện phức tạp đông người xảy ra.

III. DỰ KIẾN KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN:

1. Tổng kinh phí đầu tư, hỗ trợ để thực hiện Đề án nông thôn mới xã Trung An, huyện Củ Chi, dự kiến: 295.503 triệu đồng, gồm:

1.1. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản: 121.348 triệu đồng (chiếm 41%).

1.2. Vốn sự nghiệp hỗ trợ cho các hoạt động trên địa bàn xã: 174.155 triệu đồng (chiếm 59%).

2. Nguồn vốn:

2.1. Vốn từ Ngân sách nhà nước: 108.340 triệu đồng, chiếm 37%; trong đó:

+ Vốn Nông thôn mới: 83.535 triệu đồng, chiếm 28%.

+ Vốn lồng ghép: 24.805 triệu đồng, chiếm 9%; chia ra:

* Vốn ngân sách tập trung: 0 triệu đồng

* Vốn phân cấp huyện: 0 triệu đồng;

* Vốn sự nghiệp: 24.805 triệu đồng (dự kiến bố trí thực hiện từ nguồn vốn sự nghiệp hàng năm của các ngành).

2.2. Vốn cộng đồng đóng góp: 146.663 triệu đồng, chiếm 50%; trong đó:

+ Vốn dân: 84.643 triệu đồng;

+ Vốn doanh nghiệp: 62.020 triệu đồng;

2.3. Vốn vay tín dụng: 40.500 triệu đồng, chiếm 13%.

2.4. Vốn đầu tư các nguồn được xác định cụ thể theo chương trình, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện đề án: từ nay đến năm 2015.

2. Qui mô và khối lượng thực hiện: theo các biểu đính kèm.

3. Phương châm và nguyên tắc đầu tư, hỗ trợ:

- Phát huy nội lực của địa phương là chính, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ sự hỗ trợ của Trung ương và Thành phố, đáp ứng nhu cầu đầu tư, giúp đỡ của các doanh nghiệp.

- Phát huy dân chủ, công khai trong cộng đồng dân cư, khẩn trương, đồng bộ và chặt chẽ trong thủ tục hành chính và đầu tư.

3.1. Cơ chế huy động và quản lý các nguồn vốn:

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện Thông tư số 72/2010/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về quản lý sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư tại 11 xã thực hiện Đề án “Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa”;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020.

3.2. Quản lý đầu tư và xây dựng:

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020.

4. Phân công thực hiện:

4.1. Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Ủy ban nhân dân xã Trung An, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Trung An:

- Tập trung triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân, Đảng viên, cán bộ, công chức quán triệt chủ trương của Trung ương và Thành phố về chương trình xây dựng mô hình nông thôn mới tại xã; vận động cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia và đóng góp hỗ trợ để thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Thực hiện theo đúng nội dung của Đề án được phê duyệt, không được thay đổi nội dung của Đề án khi chưa được chấp thuận của Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

- Phân công các phòng, ban, đơn vị chức năng của huyện, cán bộ chuyên môn của xã tham gia, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Trung An xây dựng kế hoạch tổng thể thực hiện đề án giai đoạn 2012 - 2015, xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm đảm bảo tiến độ và mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo đúng quy định hướng dẫn của pháp luật hiện hành.

4.2. Các Sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố:

- Phân công cán bộ, công chức theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ Ban quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Trung An, huyện Củ Chi chuẩn bị và thực hiện, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí của ngành trên địa bàn xã.

- Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu của Trung ương và Thành phố do Sở, ngành phụ trách trên địa bàn xã.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã Trung An và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Trung An triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo Đề án được phê duyệt.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn, hoàn tất thẩm định quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch hạ tầng thiết yếu (theo phân công, phân cấp) của huyện Củ Chi và xã Trung An; tổ chức giám sát việc công bố, công khai các quy hoạch được phê duyệt.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Trung An cân đối, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết và bố trí vốn ngân sách tập trung, vốn phân cấp hàng năm (2012 - 2015), đảm bảo tiến độ đầu tư, hoàn thành các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Trung An.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Trung An, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, giao kế hoạch kinh phí sự nghiệp chi thường xuyên để thực hiện các hoạt động, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Trung An.

4.3. Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình, dự án, các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Trung An, huyện Củ Chi; định kỳ hàng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện; tham mưu, đề xuất, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để thành phố tổ chức sơ kết hàng năm, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2701/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 5 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Nhuận Đức,
huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ, về ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 03 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Xét Tờ trình số 28/TTr-BQL, ngày 18 tháng 4 năm 2013 của Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi về việc phê duyệt Đề án Nông thôn mới xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015 có ý kiến phê duyệt của Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi, ý kiến đề xuất của Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố tại Thông báo số 272/TB-TCT-PTNT ngày 21 tháng 9 năm 2012; đề xuất của Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính tại Tờ trình số: 801/TTr-NNPTNT-KHĐT-TC ngày 10 tháng 5 năm 2013 về phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, giai đoạn 2013 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015 *(theo nội dung đề án đính kèm)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh thay đổi về cơ chế, chính sách đầu tư xã nông thôn mới, Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Nhuận Đức nghiên cứu, đề xuất kịp thời điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải và các Sở, ngành liên quan, Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới

huyện Củ Chi và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Trưởng Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Nhuận Đức và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nhuận Đức - huyện Củ Chi có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

Xây dựng nông thôn mới xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2701/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Phần I

THỰC TRẠNG NÔNG THÔN XÃ NHUẬN ĐỨC, HUYỆN CỦ CHI

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - DÂN SỐ LAO ĐỘNG

1. Đặc điểm tự nhiên

Xã Nhuận Đức nằm hướng Tây Bắc huyện Củ Chi, cách thị trấn Củ Chi khoảng 6 km và cách trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 50 km.

Có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp xã An Nhơn Tây;
- Phía Nam giáp xã Tân An Hội, Phú Hòa Đông;
- Phía Đông giáp tỉnh Bình Dương;
- Phía Tây giáp xã Trung Lập Hạ.

Diện tích tự nhiên của xã là 2.182,67 ha, chiếm 5,51% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

Địa bàn xã chia làm 9 ấp, gồm: Đức Hiệp, Bàu Cạp, Bàu Chứa, Bàu Tròn, Ngã Tư, Canh Lý, Xóm Bưng, Bàu Trăn, Bến Đình. Trung tâm hành chính xã đặt tại số 458 đường Nguyễn Thị Rành, ấp Ngã Tư.

2. Dân số

- Dân số toàn xã là 11.391 nhân khẩu, trong đó: nam 5.572 người (chiếm 48,92%), nữ 5.819 người (chiếm 51,08%). Mật độ dân số bình quân 497 người/km².

- Tổng số hộ dân của xã Nhuận Đức là 3.154 hộ gia đình.

Lực lượng lao động của xã khá dồi dào với 7.570 người, chiếm 66,5% dân số toàn xã; trong đó lao động trong độ tuổi (16 đến 60 tuổi) là 6.219 người.

II. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Quy hoạch

a) Quy hoạch sử dụng đất

Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi đã phê duyệt quy hoạch sử dụng đất tại xã Nhuận Đức đến năm 2010, nay cần điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2020.

b) Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội môi trường và quy hoạch dân cư theo chuẩn mới: chưa thực hiện.

2. Hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Giao thông

+ Hiện trạng hệ thống đường giao thông của xã (đường trục xã, liên xã; đường trục ấp, liên ấp, tổ và đường trục chính nội đồng): có 147 tuyến, chiều dài 84,85 km, trong đó:

- Đường giao thông trục xã, liên xã đã được cứng hóa hoặc nhựa hóa: có 6 tuyến, chiều dài 19,8 km đã được nhựa hóa (đạt 100%);

- Đường trục ấp, liên ấp đã được cứng hóa, đạt chuẩn: có 76 tuyến, 19,1 km/ 42 km (45,48%);

- Đường giao thông nội đồng xe cơ giới có thể đi lại thuận tiện: có 8 tuyến, 6,75 km/8,4km (so với tổng số: 80,36%);

- Đường ngõ xóm sạch, không lầy lội vào mùa mưa: có 57 tuyến, đã có 1,77 km/ 14,65 km (so với tổng số: 12,11%).

b) Thủy lợi

- Số km kênh mương tiêu - tưới hiện có 60,938 km (87 tuyến), trong đó đã kiên cố hóa: 45,020 km; số km cần kiên cố hóa: 5,276 km.

- Số cống hiện có: 11 cống. Trong đó, số cống đã đáp ứng yêu cầu: 08 cống, số cống cần nâng cấp: 3 cống, số cống cần xây dựng mới: 28 cầu cống.

c) Điện

- Số trạm biến áp: 79 trạm, trong đó số trạm đạt yêu cầu: 79 trạm, số trạm cần xây dựng mới: 38 trạm.

- Số km đường dây hạ thế: 53,25 km, trong đó: 53,25 km đạt chuẩn; cần xây dựng mới: 7,5 km.

- Trong khu dân cư 100% hộ dân sử dụng điện trực tiếp từ lưới điện quốc gia. Mức độ đáp ứng yêu cầu về điện cho sản xuất là 100%.

Trên các tuyến đường liên xã, liên ấp có mật độ dân cư cao hầu hết đều có bóng đèn điện chiếu sáng, đạt 98%.

d) Trường học

+ Trường mầm non: Có 1 trường mầm non gồm 01 trường chính và 3 phân hiệu) chưa đạt chuẩn quốc gia, với 10 phòng học, mức độ bình quân với 40 cháu/lớp.

+ Trường tiểu học: Toàn xã có 2 trường tiểu học gồm: Trường tiểu học Nhuận Đức 1 và Trường tiểu học Nhuận Đức 2, và mỗi trường có thêm 1 phân hiệu, với tổng số phòng là 23 phòng, tổng số học sinh là 768 cháu. Hiện chưa đạt chuẩn quốc gia.

+ Trường trung học cơ sở Nhuận Đức: Đang chuẩn bị nâng cấp đạt chuẩn quốc gia.

đ) Cơ sở vật chất văn hóa

+ Số trung tâm văn hóa xã, ấp:

- Hiện xã chưa có nhà văn hóa phục vụ nhu cầu tinh thần cho người dân địa phương, chủ yếu các điểm sinh hoạt văn hóa văn nghệ diễn ra tại trụ sở văn phòng của mỗi ấp hoặc các tụ điểm ánh sáng văn hóa.

- Trên địa bàn xã có 05 điểm truy cập Internet.

+ Khu thể thao của xã, ấp:

- Hiện tại xã có 06 sân bóng đá, nhưng chưa xây dựng đạt chuẩn;

- Sân bóng chuyên kết hợp sân tập dưỡng sinh.

e) Chợ

Trên địa bàn xã không có chợ, người dân chủ yếu mua sắm tại các chợ lân cận như: chợ Củ Chi, chợ Lô 6, chợ An Nhơn Tây, chợ Phạm Văn Cội... hoặc mua hàng từ các điểm buôn bán nhỏ tại địa phương. Toàn xã có 30 điểm kinh doanh, buôn bán nhỏ.

g) Bưu điện

- Xã có 01 bưu điện văn hóa với diện tích 180 m², diện tích xây dựng 50 m² hiện đang vận hành và phục vụ tốt nhu cầu người dân.

- Về hệ thống thông tin liên lạc: Toàn xã có 4.643 điện thoại di động, số điện thoại cố định là 1.357 cái; bình quân 2,3 hộ có 1 máy điện thoại cố định. Tổng số máy vi tính là 299 máy (chiếm 9,48%), bình quân 10,55 hộ thì có 1 hộ có máy vi tính.

- Toàn xã Nhuận Đức có 5 điểm truy cập Internet công cộng đang hoạt động.

- Số ấp có điểm truy cập internet 4/9 ấp với 5 điểm truy cập.

- Tình hình thư viện của xã: xã có 1 tủ sách tại bưu điện văn hóa và 9 tủ sách được bố trí tại văn phòng 9 ấp.

h) Nhà ở dân cư nông thôn

- Số nhà tạm: 6 căn, tỷ lệ 0,23%.

- Tỷ lệ nhà kiên cố và bán kiên cố: 2.624 căn, tỷ lệ 99,77%.

- Tình trạng chung về xây dựng nhà ở dân cư: đa số người dân xây nhà bán kiên cố với tường xây, mái ngói hoặc tole, nền gạch men. Diện tích bình quân: 62 m²/nhà.

3. Thực trạng kinh tế và tổ chức sản xuất

a) Kinh tế

- Cơ cấu kinh tế, giá trị đóng góp của các ngành (%): Nông nghiệp, Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, Thương mại - Dịch vụ: 47%, 43%, 10%;

- Cơ cấu ngành nông nghiệp (%): Chăn nuôi (59%) - Trồng trọt (36%) - Thủy sản (5%).

- Thu nhập bình quân /đầu người/năm: 18 triệu/người/năm;

- Tỷ lệ hộ nghèo: 20% (631 hộ).

b) Lao động

+ Số lao động trong độ tuổi: 6.219 người;

+ Cơ cấu lao động (%) theo các ngành: “Nông nghiệp, Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, Thương mại - Dịch vụ” là: 57% - 37% - 6% (3.545 - 2.301 - 373).

+ Tỷ lệ lao động được đào tạo chuyên môn: 63%

c) Hình thức tổ chức sản xuất

- Số trang trại: Toàn xã có 24 trang trại, trong đó có 23 trang trại nuôi heo giống và heo thịt với tổng đàn là 8.200 con và 1 trang trại nuôi bò lai sind với tổng đàn 150 con.

- Số doanh nghiệp: 30 cơ sở sản xuất trong các ngành: gia công dệt may; sản xuất chế biến bánh tráng, bánh phở; xây dựng dân dụng và kinh doanh xăng dầu.

- Số hợp tác xã và tổ hợp tác: 1 hợp tác xã rau an toàn Nhuận Đức với 43 xã viên, và 7 tổ hợp tác với 74 tổ viên (6 tổ Sản xuất rau an toàn và 1 tổ Chăn nuôi bò sữa).

4. Văn hóa, xã hội và môi trường

a) Văn hóa - giáo dục

+ Tỷ lệ áp dụng tiêu chuẩn áp văn hóa: 100%;

+ Phổ cập giáo dục trung học cơ sở: đạt tỷ lệ 85%/so chuẩn: 70%.

+ Phổ cập giáo dục trung học phổ thông: đạt tỷ lệ 70,11%/so chuẩn: 70%.

+ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề): đạt (98,87%/ so chuẩn 90%).

b) Y tế

+ Trạm y tế: Chuẩn bị đưa vào sử dụng tháng 9/2011, đạt chuẩn quốc gia;

+ Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế đạt 52%.

+ Trạm y tế có nhiều cố gắng khám chữa bệnh cho nhân dân, quản lý bệnh xã hội, thực hiện các chương trình y tế quốc gia, không chế được dịch sốt xuất huyết, bệnh tay chân miệng.

c) Môi trường

+ Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: 100% hộ dùng nước giếng khoan;

+ Tỷ lệ hộ có đủ 3 công trình (nhà tắm, hố xí, bể nước) đạt chuẩn: 90%.

+ Tỷ lệ hộ có cơ sở chăn nuôi hợp vệ sinh: 80%.

+ Xử lý chất thải: Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo 9 ấp kết hợp với đơn vị thu gom rác (Công ty Công ích) đến từng hộ dân để ký kết hợp đồng thu gom rác, tổng số hộ đã đăng ký là 903 hộ/ 3.154 hộ, chiếm 28,63%.

+ Tỷ lệ cơ sở sản xuất chưa đạt tiêu chuẩn môi trường: 2/30 cơ sở, chiếm 6,67%.

+ Tỷ lệ các trang trại chăn nuôi có hầm biogas: 24/24 đạt 100%.

+ Tỷ lệ các hộ chăn nuôi thường xuyên, có hầm biogas: 355/510 hộ đạt 69,6%

+ Nghĩa trang: Trên địa bàn xã có 6 nghĩa địa (thuộc ấp Bàu Cạp, ấp Bàu Tròn, ấp Ngã Tư, ấp Bàu Trăn, ấp Xóm Bung, ấp Bến Đình) với tổng diện tích nghĩa địa là 11,3ha.

5. Hệ thống chính trị và an ninh trật tự xã hội

a) Hệ thống chính trị

- Có 1 Đảng bộ cơ sở: gồm 16 chi bộ trực thuộc, với 212 đảng viên, trong đó có 9 chi bộ ấp, 4 chi bộ trường học, 1 chi bộ y tế, 1 chi bộ quân sự và 1 chi bộ cơ quan. Năm 2010 Đảng bộ được đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Hiện trạng đội ngũ cán bộ xã và so với chuẩn: Đội ngũ cán bộ - công chức của xã gồm 35 cán bộ.

b) An ninh trật tự xã hội

- Tình hình hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở: Xã có đầy đủ 06 tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở: Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, các tổ chức này hoạt động tốt trong những năm qua.

6. Tình hình trật tự xã hội an ninh trên địa bàn

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn luôn được giữ vững, thực hiện tốt kế hoạch tấn công các loại tội phạm. Bảo vệ tốt các ngày lễ, tết, quản lý tốt việc đăng ký tạm trú, tạm vắng trên địa bàn. Trong 5 năm qua (2004 - 2008) được huyện công nhận 9 ấp và xã cơ bản không có tội phạm ma túy, mại dâm ẩn náu hoạt động.

Phần II

NỘI DUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI XÃ NHUẬN ĐỨC - HUYỆN CỬ CHI ĐẾN NĂM 2015

I. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2015

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng xã Nhuận Đức (xã thuần nông) trở thành xã nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa thể hiện các đặc trưng: có kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn được nâng cao; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, có các hình thức sản xuất phù hợp, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn

định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ... nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng; an ninh trật tự xã hội được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Mục tiêu cụ thể

* Hoàn thành 19/19 tiêu chí về nông thôn mới theo bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới theo từng giai đoạn cụ thể:

- Năm 2012 thực hiện 9/19 tiêu chí (tiêu chí: 1, 4, 8, 9, 13, 14, 15, 16, 19);
- Năm 2013: 15/19 tiêu chí (tăng thêm 6 tiêu chí: 3, 6, 7, 12, 17, 18);
- Năm 2014: 17/19 tiêu chí (tăng thêm 2 tiêu chí: 2, 5).
- Năm 2015: 19/19 tiêu chí (tăng thêm 2 tiêu chí: 10, 11).

* Nội dung thực hiện cụ thể:

- Hoàn thành quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch hạ tầng kinh tế xã hội, khu dân cư (giúp cho người dân ổn định sản xuất, chỉnh trang khu dân cư, cải thiện bộ mặt nông thôn).

- Đến năm 2015 thu nhập bình quân đầu người/năm tăng 1,5 đến 1,8 lần so với trước khi thực hiện đề án (không thấp hơn 37 triệu đồng/người/năm).

- Cơ cấu kinh tế theo hướng: Công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp - Nông nghiệp - Thương mại, dịch vụ theo tỷ lệ: 44% - 43% - 13%. Tỷ lệ lao động trong độ tuổi có việc làm (trừ số lao động trong độ tuổi đang đi học tập trung tại các trường Trung học phổ thông, Trung cấp, Cao đẳng, Đại học theo quy định,...) đạt 90%. Đào tạo nghề cho 500 lao động/năm.

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn thành phố (dưới 12 triệu đồng/người/năm): giảm 2%/năm.

- Chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị hiệu quả cao, an toàn vệ sinh dịch bệnh, thân thiện với môi trường.

- Xây dựng mạng lưới giao thông nông thôn với chất lượng bảo đảm thuận tiện cho việc sinh hoạt của nhân dân và vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản.

- Kiên cố hóa trường, lớp, hoàn thiện các điều kiện về cơ sở vật chất trong hệ thống trường học, kết hợp hiện đại hóa các phương tiện dạy học; đạt chuẩn quốc gia 100%.

- Duy trì và phát triển đời sống văn hóa ở nông thôn với 9/9 ấp đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa, tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 80%.

II. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Quy hoạch

a) Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 1 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới

b) Nội dung thực hiện:

Thực hiện theo Thông tư số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTNMT ngày 28 tháng 10 năm 2011 giữa Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới.

2. Hạ tầng - kinh tế xã hội

a) Giao thông

+ Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 2 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

+ Nguyên tắc đầu tư:

- Ưu tiên đầu tư các đường giao thông liên xã, đường giao thông trục chính kết nối mạng lưới giao thông với quốc lộ, tỉnh lộ hoặc trục đường chính của huyện để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tạo sự thu hút đầu tư trên địa bàn xã.

- Thực hiện quy mô đầu tư theo Quyết định số 315/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 02 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.

- Trường hợp mặt đường hiện trạng lớn hơn theo quy định của Quyết định số 315/QĐ-BGTVT thì thực hiện đầu tư theo hiện trạng.

+ Nội dung thực hiện:

- Đường liên ấp và trục ấp: Nâng cấp đường có hiện trạng kết cấu nền đất và đường cấp phối sỏi đỏ lên đường cấp phối sỏi đỏ, láng nhựa với tổng chiều: 17,260 km (18 tuyến); đường ngõ xóm: Nâng cấp đường có hiện trạng kết cấu nền đất lên cấp phối sỏi đỏ với tổng chiều dài: 2,550 km (4 tuyến); đường giao thông nội đồng: Nâng cấp đường có hiện trạng kết cấu nền đất lên cấp phối sỏi đỏ với tổng chiều dài: 2,200 km (3 tuyến).

b) Thủy lợi

+ Mục tiêu: Hệ thống công trình thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp và dân sinh, tuy nhiên để hệ thống thủy lợi hoàn chỉnh cần xây mới, nâng cấp và gia cố sửa chữa một số tuyến kênh tưới kênh tiêu.

+ Nội dung thực hiện:

- Kênh tưới: Làm mới 1 tuyến kênh tưới bằng máng bê tông cốt thép hình chữ nhật, chiều dài: 1,2 km;

- Kênh tiêu: Nâng cấp, gia cố 5 tuyến kênh tiêu đã xuống cấp với chiều dài: 7 km.

c) Điện

+ Mục tiêu: Duy trì nâng chất tiêu chí số 4 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới

+ Nội dung thực hiện: Xây dựng mới: 38 trạm biến áp; 7,5 km đường dây hạ thế.

d) Trường học

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung thực hiện:

- Xây dựng, mở rộng thêm 2.000 m² với 18 phòng học, phòng chức năng của trường Mầm non Nhuận Đức;

- Xây dựng mới 30 phòng học, 15 phòng chức năng và bãi tập thể dục thể thao của Trường tiểu học Nhuận Đức.

đ) Y tế

+ Mục tiêu: Duy trì - nâng chất tiêu chí số 5 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung thực hiện: Tiếp tục duy trì và thực hiện trưng bày hình ảnh về cây thuốc nam, tiến tới thực hiện “vườn mẫu thuốc nam”.

e) Cơ sở vật chất thiết chế văn hóa

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 6 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới

+ Nội dung thực hiện:

- Cải tạo nâng cấp: Văn phòng áp kết hợp xây dựng tụ điểm sinh hoạt văn hóa (Đức Hiệp, Bàu Cạp, Bàu Chứa, Ngã Tư, Bàu Trăn, Canh lý, Xóm Bung).

- Xây dựng mới: Văn phòng áp kết hợp xây dựng tụ điểm sinh hoạt văn hóa (Bàu Tròn, Bến Đình).

- Cải tạo nâng cấp Trụ sở UBND xã.

g) Chợ

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 7 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung thực hiện: Xây dựng cửa hàng tiện ích bình ổn giá vào năm 2015 tại đường Nguyễn Thị Rành, ấp Ngã Tư (Tại Trường tiểu học Nhuận Đức).

h) Nhà ở dân cư nông thôn

+ Mục tiêu: Duy trì nâng chất tiêu chí số 9 theo Bộ tiêu chí quốc gia.

+ Nội dung thực hiện:

- Sắp xếp, chỉnh trang nhà ở, các khu dân cư phù hợp với quy hoạch phát triển, đảm bảo về mỹ quan khu dân cư nông thôn;

- Xóa bỏ nhà tạm. Đảm bảo cuối năm 2011 đạt 100% không còn nhà tạm.

- Định hướng các tiêu chí mẫu nhà ở nông thôn tại địa phương với kiểu nhà đơn giản, hài hòa với không gian nông thôn; tập quán truyền thống nhà ở vùng Đông Nam bộ làm cơ sở để người dân học tập và xây dựng đồng bộ.

3. Phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức

a) Mục tiêu: Hoàn thành tiêu chí số 10, 11, 12, 13 theo Bộ tiêu chí quốc gia.

b) Kế hoạch phát triển các ngành sản xuất:

+ Phát triển trồng rau an toàn: (450ha)

Thực hiện vùng chuyên canh trồng rau ăn quả trên địa bàn 8 ấp (Đức Hiệp; Bàu Cạp; Bàu Chứa; Bàu Tròn; Bàu Trăn; Ngã Tư; Xóm Bung). Kiện toàn củng cố, phát triển Hợp tác xã Rau An toàn Nhuận Đức và phát triển mỗi năm thêm 1 Tổ hợp tác cây trồng - vật nuôi.

+ Phát triển loại hình trồng hoa kiểng, cây kiểng phục vụ quá trình đô thị hóa: (80ha)

Loại hình nông nghiệp sinh thái đô thị, cung cấp sản phẩm nông nghiệp cao cấp cho nhu cầu sinh hoạt, giải trí cho cư dân thành phố.

Để có thu nhập khoảng 150 - 170 triệu đồng/năm, chỉ cần khoảng 500 m² đất với tổng vốn (lưu động, cố định) khoảng 50 - 70 triệu đồng.

+ Phát triển loại hình trồng cỏ nuôi bò sữa (120 ha)

Quy hoạch vùng trồng cỏ phục vụ chăn nuôi bò sữa (HF1, HF2). Từng cải tạo

giống bò sữa có năng suất cao; Phát triển và tăng quy mô đàn, nâng cao mức thu nhập cho người dân. Phát triển đàn bò sữa của xã đến năm 2015 là 1.700 con.

Phấn đấu đạt hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi bằng biện pháp tăng đàn. Khi áp dụng thâm canh, 1ha cỏ VA06, cỏ Ruzi, cỏ Paspalum cho năng suất 400 tấn cỏ/năm, có thể nuôi từ 15 - 20 con bò sữa.

+ Phát triển nuôi trồng thủy sản kết hợp du lịch: (13ha)

Cải tạo vùng ven sông Sài Gòn tại ấp Bến đình và vùng bung thuộc ấp Đức Hiệp, ấp Xóm Bung để hình thành vùng trồng cây ăn trái kết hợp nuôi trồng thủy sản, hình thành mô hình vườn sinh thái kết hợp du lịch nghỉ ngơi, câu cá giải trí với thị trường tiềm năng lớn là Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, cụm Công nghiệp Bà Trăn... liên doanh liên kết với Khu di tích lịch sử địa đạo Bến Đình, Khu du lịch sinh thái FOSACO để hình thành những tour du lịch mới.

+ Phát triển loại hình kinh tế Vườn - Ao - Chuồng:

Tập trung tại ấp Đức Hiệp, Bà Chứa. Định hướng qui mô của loại hình tối thiểu từ 8000 - 10.000 m².

+ Phát triển các loại hình sản xuất tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn kết hợp du lịch:

- Nghiên cứu, định hướng các quy mô Tổ phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình thông qua thực hiện các hình thức dịch vụ.

- Nghiên cứu, định hướng các mô hình thanh niên lập nghiệp thông qua các nghề dịch vụ phục vụ cho sản xuất - kinh doanh tại xã (phối hợp với các Chương trình của Thành đoàn Thành phố Hồ Chí Minh).

- Phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp như: Đan lát, chế biến bánh tráng, bánh phở v.v....

c) Các chính sách giảm nghèo - an ninh xã hội

- Xúc tiến thương mại và tiêu thụ sản phẩm;

- Xây dựng mô hình điểm về các ngành nghề nông thôn để nhân rộng;

- Hỗ trợ vốn vay, phương tiện và nguyên liệu ban đầu đối với các hộ nghèo, hộ chính sách.

d) Tỷ lệ lao động có việc làm

- Nâng cao trình độ, tay nghề cho lao động trên địa bàn xã nhằm từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang các ngành phi nông nghiệp.

- Thực hiện lồng ghép các chương trình dạy nghề cho nông dân hiểu về quản lý kinh tế, vững về kỹ thuật, khéo về tiếp thị.

đ) Các hình thức tổ chức cần phát triển

- Kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ hợp tác, hợp tác xã Rau an toàn Nhuận Đức trong lĩnh vực nông nghiệp, ngành nghề nông thôn tại xã;

- Nâng cao vị trí, vai trò của kinh tế tập thể trong đời sống cộng đồng nông thôn qua việc góp phần vào đầu tư hạ tầng nông thôn, y tế, giáo dục, thể thao...;

- Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn xã, đa dạng hóa các hoạt động thương mại theo các hình thức hợp tác, liên kết;

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về hợp tác xã, kinh tế tập thể.

4. Văn hóa, xã hội và môi trường

a) Giáo dục

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 14 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung thực hiện:

- Tạo mọi điều kiện cho các em trong độ tuổi đi học được đến trường; tiếp tục vận động các em học sinh bỏ học giữa chừng trở lại lớp, hạ tỷ lệ bỏ học ở mức thấp nhất.

- Củng cố hội đồng giáo dục, hội khuyến học, hội phụ huynh; phát huy vai trò của trung tâm học tập cộng đồng.

- Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã phối hợp với các đoàn thể vận động các nguồn tài trợ để nâng cao số lượng và chất lượng các suất học bổng khuyến học dành cho các học sinh có hoàn cảnh khó khăn và có thành tích học tốt.

- Phân nguồn lao động trên địa bàn xã thành 03 nhóm và đưa ra những hình thức đào tạo cụ thể cho từng nhóm lao động các tổ ngành nghề với doanh nghiệp.

b) Y tế

+ Mục tiêu: Duy trì nâng chất tiêu chí số 15 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới và phù hợp với đặc điểm riêng của thành phố.

+ Nội dung thực hiện:

- Các chương trình y tế nông thôn: hỗ trợ các hình thức bảo hiểm y tế theo quy định; khám chữa bệnh miễn phí v.v...

- Tổ chức các hoạt động y tế cộng đồng: công tác truyền thông giáo dục sức khỏe trong cộng đồng.

c) Xây dựng đời sống văn hóa phong phú lành mạnh

+ Mục tiêu: Hoàn thành tiêu chí số 16 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung thực hiện:

- Đẩy mạnh, tăng cường công tác tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức của cán bộ hội, đoàn thể của xã và nhân dân - Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 12 tháng 8 năm 1998 của Bộ chính trị và quy chế thực hiện văn minh trong tiệc cưới, lễ tang và lễ hội. Thực hiện tốt chính sách về người nghèo...;

- Tăng cường kiểm tra các dịch vụ kinh doanh băng đĩa nhạc, các điểm truy cập Internet, quán cà phê giải khát...;

- Triển khai từng bước nâng cao chất lượng các phong trào: gia đình văn hóa, ấp văn hóa, gương người tốt, việc tốt.

d) Bảo vệ và phát triển môi trường nông thôn

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung thực hiện:

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra môi trường, kịp thời phát hiện những yếu tố gây nguy hại tới môi trường và sức khỏe người dân.

- Tiếp tục tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, vận động người dân thực hiện tốt các quy định về vệ sinh môi trường và phòng chống ô nhiễm môi trường sản xuất (nông nghiệp và ngành nghề nông thôn).

- Cải tạo, nâng cấp, khai thông hệ thống công rãnh thoát nước: 100%.

- Vận động, hỗ trợ các hộ chăn nuôi có quy mô vừa và lớn 100 % có hầm biogas, hầm lắng lọc; các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ đều được hướng dẫn xử lý, ủ phân (sử dụng nấm đối kháng Trichoderma).

- Vận động triển khai tổ chức “Hội thi môi trường Xanh - Sạch - Đẹp” kết hợp trồng cây xanh trên các trục đường đã được quy hoạch trên địa bàn xã.

- Phối hợp Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn tuyên truyền về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trong cộng đồng dân cư và vận động nhân dân định kỳ tổng vệ sinh trên địa bàn toàn xã.

5. Hệ thống trị và an ninh trật tự xã hội

a) Củng cố, nâng cao chất lượng và vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở:

+ Mục tiêu: Duy trì nâng chất tiêu chí số 18 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung thực hiện:

- Đào tạo đội ngũ cán bộ cơ sở và tác nhân phát triển cộng đồng
- Đào tạo cán bộ xã;
- Xây dựng chương trình liên tịch kết hợp phong trào thi đua, biểu dương cá nhân, tập thể tiêu biểu;

b) An ninh chính trị và trật tự xã hội

+ Mục tiêu: Duy trì nâng chất tiêu chí số 19 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung thực hiện:

- Quán triệt, tổ chức thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, Thành phố và Huyện về công tác an ninh - trật tự xã hội, công tác quân sự.

- Nắm chắc tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội nhằm ngăn chặn và xử lý kịp thời những tình huống phức tạp, chính trị xã hội giải quyết tốt những bức xúc trong nhân dân, không để phát sinh điểm nóng.

- Tiếp tục phát động phong trào “Toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc”.

- Thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong lực lượng dân quân; nâng cao chất lượng huấn luyện, hội thao góp phần xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh.

III. DỰ KIẾN KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

A. Tổng kinh phí đầu tư, hỗ trợ để thực hiện Đề án nông thôn mới xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, dự kiến: 305.148 triệu đồng, gồm:

1. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản: 175.060 triệu đồng (chiếm 57,37%).
2. Vốn sự nghiệp hỗ trợ cho các hoạt động trên địa bàn xã: 130.088 triệu đồng (chiếm 42,63%).

B. Nguồn vốn

1. **Vốn từ Ngân sách nhà nước:** 162.436 triệu đồng, chiếm 53,23%; trong đó:
 - + **Vốn Nông thôn mới:** 93.278 triệu đồng, chiếm 30,57%.
 - + **Vốn lồng ghép:** 69.158 triệu đồng, chiếm 22,66%; chia ra:
 - * **Vốn ngân sách tập trung:** 60.000 triệu đồng (đã có chủ trương và Quyết định đầu tư của cấp thẩm quyền);
 - * **Vốn phân cấp huyện:** 0 triệu đồng;
 - * **Vốn sự nghiệp:** 9.158 triệu đồng (dự kiến bố trí thực hiện từ nguồn vốn sự nghiệp hàng năm của các ngành).
2. **Vốn cộng đồng đóng góp:** 91.462 triệu đồng, chiếm 29,97%; trong đó:
 - + **Vốn dân:** 68.436 triệu đồng;
 - + **Vốn doanh nghiệp:** 23.026 triệu đồng;
3. **Vốn vay tín dụng:** 51.250 triệu đồng, chiếm 16,8%
 - * **Vốn đầu tư các nguồn được xác định cụ thể theo chương trình, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.**

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. **Thời gian thực hiện đề án:** từ nay đến năm 2015.
2. **Quy mô và khối lượng thực hiện:** theo các biểu đính kèm.
3. **Phương châm và nguyên tắc đầu tư, hỗ trợ**
 - Phát huy nội lực của địa phương là chính, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ sự hỗ trợ của Trung ương và Thành phố, đáp ứng nhu cầu đầu tư, giúp đỡ của các doanh nghiệp.
 - Phát huy dân chủ, công khai trong cộng đồng dân cư, khẩn trương, đồng bộ và chặt chẽ trong thủ tục hành chính và đầu tư.
 - a) **Cơ chế huy động và quản lý các nguồn vốn**
 - Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.

- Thực hiện theo Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 06 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

- Thực hiện Thông tư số 72/2010/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về quản lý sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư tại 11 xã thực hiện Đề án “Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa”;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020.

b) Quản lý đầu tư và xây dựng

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020.

4. Phân công thực hiện

a) Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Ủy ban nhân dân xã Nhuận Đức, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Nhuận Đức:

- Tập trung triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân, Đảng viên, cán bộ, công chức quán triệt chủ trương của Trung ương và thành phố về chương trình xây dựng mô hình nông thôn mới tại xã; vận động cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia và đóng góp hỗ trợ để thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Thực hiện theo đúng nội dung của Đề án được phê duyệt, không được thay đổi nội dung của Đề án khi chưa được chấp thuận của Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

- Phân công các phòng ban, đơn vị chức năng của huyện, cán bộ chuyên môn của xã tham gia, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Nhuận Đức xây dựng kế hoạch tổng thể thực hiện đề án giai đoạn 2012 - 2015, xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm đảm bảo tiến độ và mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo đúng quy định hướng dẫn của pháp luật hiện hành.

b) Các Sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố:

- Phân công cán bộ, công chức theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ Ban quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi chuẩn bị và thực hiện, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí của ngành trên địa bàn xã.

- Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu của Trung ương và Thành phố do Sở ngành phụ trách trên địa bàn xã.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã

Nhuận Đức và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Nhuận Đức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo Đề án được phê duyệt.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn, hoàn tất thẩm định quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch hạ tầng thiết yếu (theo phân công, phân cấp) của huyện Củ Chi và xã Nhuận Đức; tổ chức giám sát việc công bố, công khai các quy hoạch được phê duyệt.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Nhuận Đức cân đối, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết và bố trí vốn ngân sách tập trung, vốn phân cấp hàng năm (2012 - 2015), đảm bảo tiến độ đầu tư, hoàn thành các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Nhuận Đức.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Nhuận Đức, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, giao kế hoạch kinh phí sự nghiệp chi thường xuyên để thực hiện các hoạt động, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Nhuận Đức.

c) Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình, dự án, các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi; định kỳ hàng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện; tham mưu, đề xuất, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để thành phố tổ chức sơ kết hàng năm, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2702/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 5 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Tân Hiệp,
huyện Hóc Môn giai đoạn 2013 - 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Xét Tờ trình số 346/TTr-ĐA.UBND ngày 11 tháng 4 năm 2013 của Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn về việc phê duyệt Đề án Nông thôn mới xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn giai đoạn 2013 - 2015 có ý kiến phê duyệt của Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn, ý kiến đề xuất của Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố tại Thông báo số 217/TB-TCT-PTNT ngày 21 tháng 8 năm 2012; đề xuất của Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính tại Tờ trình số 812/TTr-NNPTNT-KHĐT-TC ngày 13 tháng 5 năm 2013 về phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, giai đoạn 2013 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn giai đoạn 2013 - 2015 *(theo nội dung đề án đính kèm)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh thay đổi về cơ chế, chính sách đầu tư xã nông thôn mới, Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tân Hiệp nghiên cứu, đề xuất kịp thời điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải và

các Sở, ngành liên quan, Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Trưởng Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tân Hiệp và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

Xây dựng nông thôn mới xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn giai đoạn 2013 - 2015

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2702/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Phần I

THỰC TRẠNG NÔNG THÔN XÃ TÂN HIỆP - HUYỆN HÓC MÔN

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - DÂN SỐ LAO ĐỘNG

1. Đặc điểm tự nhiên

- Xã Tân Hiệp là một xã nằm ở phía Bắc của huyện Hóc Môn, phía Tây Bắc thành phố Hồ Chí Minh.

+ Phía Bắc giáp xã Tân Thạnh Đông, xã Tân Phú Trung và xã Bình Mỹ, huyện Hóc Môn.

+ Phía Nam giáp thị trấn Hóc Môn.

+ Phía Tây giáp xã Tân Thới Nhì.

+ Phía Đông giáp xã Thới Tam Thôn và xã Đông Thạnh.

Xã có tổng diện tích tự nhiên là 1196,98 ha, chiếm 7,4% diện tích tự nhiên của huyện.

- Xã được phân thành 6 ấp gồm: ấp Tân Thới 1, Tân Thới 2, Tân Thới 3, Thới Tây 1, Thới Tây 2 và Tân Hòa. Do giáp ranh với thị trấn - Hóc Môn, ấp Tân Thới 1, Tân Thới 2, Thới Tây 2 đã cơ bản trở thành ấp đô thị (70%), các ấp còn lại là ấp nông nghiệp.

2. Dân số

- Dân số toàn xã tính đến ngày 01 tháng 4 năm 2009 là 23.934 nhân khẩu, 5.910 hộ gia đình (bao gồm cả hộ đăng ký tạm trú trên 6 tháng), mật độ dân số bình quân 1.999 người/km².

- Dân số phân bố không đều, chủ yếu tập trung dọc theo các trục lộ giao thông chính trên địa bàn xã; hình thành nên các điểm, các khu dân cư tập trung, các tụ điểm kinh tế.

3. Lao động

- Xã có lực lượng lao động khá dồi dào với 14.839 người, chiếm 62% dân số toàn xã. Trong đó, lao động làm việc trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp là 848 người, chiếm 5,7% lực lượng lao động của xã; 74,3% là lao động trong lĩnh vực Công nghiệp tiểu thủ công nghiệp; 20% là lao động trong lĩnh vực thương mại dịch vụ, công chức viên chức nhà nước.

- Hiện tại, xã vẫn còn 1.000 lao động chưa có việc làm hoặc có việc làm nhưng không ổn định. Tỷ lệ lao động qua đào tạo là 39%.

II. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Quy hoạch nông thôn mới

- Ngày 21 tháng 8 năm 2010, Ủy ban nhân dân thành phố đã có Quyết định số 3680/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện Hóc Môn đến năm 2020. Riêng xã Tân Hiệp hiện chỉ có quy hoạch theo tỷ lệ 1/5000.

2. Hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Giao thông

Xã Tân Hiệp có đường Xuyên Á và đường Đỗ Văn Dậy (Tỉnh lộ 5 nối dài) đi qua địa bàn xã với tổng chiều dài hơn 5000 m, mặt đường trải nhựa. Hệ thống giao thông của xã đã được đầu tư xây dựng khá đồng bộ, các tuyến đường giao thông với tổng chiều dài là 53,4 km cơ bản đáp ứng được nhu cầu đi lại, giao thương của nhân dân trên địa bàn xã.

b) Thủy lợi

Nhìn chung mạng lưới kênh rạch khá dày với tổng chiều dài khoảng 23.560 m, nên nguồn nước cung cấp cho sinh hoạt và sản xuất tương đối được đảm bảo. Xã có 05 tuyến kênh, rạch chính gồm: Kênh Xáng, Kênh Đường Đò, Kênh Mới, Rạch Cầu Bông và kênh Vàm Chợ.

c) Điện

- Xã có đường dây trung thế dài 32,4 km, đường dây điện hạ thế dài 51,8 km đáp ứng tốt yêu cầu truyền tải điện năng.

- Tất cả các tuyến đường chính đều có bóng điện. 100% hộ dân sử dụng điện trực tiếp từ lưới điện quốc gia. Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt 100%.

- Số trạm biến áp: 103 trạm (25.808 KVA), gồm có 47 trạm công cộng (8.970KVA) và 56 trạm chuyên dùng (16.838 KVA); trong đó số trạm đạt yêu cầu: 100, số trạm cần nâng cấp: 03, số trạm cần xây dựng mới: 2 (320KVA).

d) Trường học

+ Trường Mầm non:

- Xã có 2 trường mầm non, mẫu giáo (2 trường bán trú) với khoảng 1100 cháu và 5 trường tư thục với 300 cháu.

- Trong đó có 1 trường đạt chuẩn quốc gia là Trường mầm non Tân Hòa (xây dựng năm 2011) với tổng diện tích khuôn viên nhà trường là 5.148,8 m², trong đó diện tích sàn xây dựng là 2.374 m² gồm có 15 phòng học và 8 phòng chức năng, diện tích sử dụng bình quân 8,58 m²/1 trẻ.

+ Trường Tiểu học: Xã có 3 trường tiểu học: Trường tiểu học Cầu Xáng, Tân Hiệp và Trương Văn Ngải với tổng diện tích là 10.084 m², số lớp học là 56 lớp học với 2.900 học sinh, phân bố đều trên địa bàn xã: 1 trường ở ấp Tân Thới 2 giáp thị trấn Hóc Môn, 1 ở ấp Thới Tây 2 trung tâm xã, 1 ở ấp Tân Thới 3 giáp xã Tân Thới Nhì. Tổng số giáo viên của 3 trường tiểu học là 73 giáo viên, tất cả đều đạt chuẩn. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp bậc tiểu học năm học 2011 - 2012 là 100%.

+ Trường Trung học cơ sở:

- Xã có 1 Trường Trung học cơ sở (THCS) Đỗ Văn Dậy với diện tích 3.684 m², gồm 16 phòng học, 5 phòng học bộ môn (Phòng lý, hóa, sinh và 2 phòng vi tính) và 8 phòng chức năng, sĩ số học sinh là 1.400 học sinh. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp bậc THCS năm học 2011 - 2012 được tuyển vào lớp 10 các trường Trung học phổ thông (THPT) là 292/311 học sinh (đạt 93,9%).

đ) Cơ sở vật chất văn hóa

+ Trụ sở Ủy ban nhân dân xã:

Ủy ban nhân dân xã được xây dựng từ năm 1996, hiện nay đã xuống cấp nặng, thường xuyên bị ngập nước vào mùa mưa, thiếu phòng làm việc, hội trường, cơ sở vật chất còn thiếu và hư hỏng nhiều.

+ Hiện trạng nhà văn hóa xã, ấp:

Xã Tân Hiệp có tất cả là 06 ấp; trong đó, ấp Tân Thới 3 là chưa có trụ sở ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa; 05 ấp còn lại đã có trụ sở ban nhân dân ấp. Đây cũng là nơi hoạt động, làm việc và hội họp của ban nhân dân ấp, đoàn thể, ban điều hành tổ nhân dân... Tuy nhiên, đa số các cơ sở này chưa đảm bảo diện tích và thiếu cơ sở vật chất phục vụ sinh hoạt chính trị, văn hóa, thể thao.

+ Hiện trạng khu thể thao của xã, ấp:

Hiện nay, xã có 01 sân bóng đá được xây dựng vào năm 2004, với diện tích 13.000m². Ngoài ra, thực hiện xã hội hóa các hoạt động thể dục thể thao, xã còn có 03 sân bóng đá mini, 03 sân tennis, 02 câu lạc bộ thể hình và 01 hồ bơi do nhân dân tự đầu tư khai thác.

e) Chợ

Hiện nay, xã Tân Hiệp không có chợ nông thôn. Riêng tại 3 ấp gồm Tân Thới 1, Tân Thới 2, Thới Tây 2, dân cư tập trung hình thành khu buôn bán nhỏ và khu dịch vụ ăn uống điểm của xã. Trên địa bàn xã có 87 quán kinh doanh thức ăn đường phố, 74 quán giải khát ven đường. Ngoài ra còn có khoảng 265 hộ dân buôn bán nhỏ tại gia và 25 điểm kinh doanh trong lĩnh vực giải trí (Internet, hồ bơi, tennis...).

g) Bưu điện

- Hiện nay, trên địa bàn xã có 3 đại lý bưu điện.

- Đường truyền Internet đã được phân bố rộng trong toàn xã.

- Về hệ thống thông tin liên lạc: Toàn xã có 10.621 điện thoại di động, số điện thoại cố định là 3.251 cái, bình quân 02 hộ thì có 1 máy điện thoại cố định. Tổng số máy vi tính là 1774 máy, số máy vi tính kết nối Internet là 870 máy, bình quân khoảng 3 hộ thì có 1 hộ có máy vi tính, bình quân 7 hộ thì có 1 hộ có máy vi tính kết nối Internet.

- Toàn xã Tân Hiệp có 17 điểm truy cập Internet đang hoạt động. Địa điểm kinh doanh phân bố đều trên 6/6 ấp.

h) Nhà ở dân cư nông thôn

- Tổng số nhà ở trên địa bàn xã là 5.675 căn, diện tích xây dựng ước khoảng 336.870 m²; trong đó: có khoảng 10% là nhà cấp 3; còn lại là nhà cấp 4 (tường gạch, mái tole, ngói) và 5 căn nhà tạm bợ (không tính dân tạm trú). Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng: 99,68%.

- Xã đã cơ bản xóa nhà tranh tre và chỉ còn 5 căn nhà tạm bợ (không tính dân tạm trú), đang được chính quyền xã vận động xây dựng nhà tình thương.

3. Thực trạng kinh tế và tổ chức sản xuất

a) Kinh tế

Hiện tại, xã có 98 doanh nghiệp với doanh thu trong sản xuất năm 2012 đạt 811.000 triệu đồng, góp phần giải quyết việc làm cho hơn 3.300 lao động.

- Về thương mại, dịch vụ phát triển chủ yếu phục vụ nhu cầu cho người lao động và người dân.

- Về sản xuất nông nghiệp ước tính giá trị sản xuất bình quân là 120 triệu đồng/ha/năm.

Tuy giá trị sản lượng nông nghiệp không cao so với tổng giá trị sản xuất của xã (34.780 triệu đồng) nhưng đã góp phần nâng cao mức sống và ổn định đời sống cho người dân. Trong năm 2012, tổng diện tích đất nông nghiệp xã là 700,75 ha, trong đó:

+ Lĩnh vực trồng trọt: diện tích canh tác các loại cây trồng gồm: Cây hàng năm gồm các loại: cây lúa 472 ha, cây rau - hoa màu các loại 19,95 ha năng suất bình quân 28 tấn/ha, củ quả ngắn ngày 1,2 ha, sen 1,2 ha, cỏ cho bò ăn 10 ha và cây lâu năm như: hoa lan, cây kiểng 2 ha; cây lâm nghiệp 50 ha.

+ Lĩnh vực chăn nuôi: Hiện tại tổng số vật nuôi trên địa bàn xã có khoảng 2.584 con.

- Về thu nhập:

Hiện tại thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã đạt 18 triệu đồng/người/năm, bằng khoảng 99% gần bằng mức thu nhập bình quân chung của huyện Hóc Môn (18,2 triệu đồng/người/năm).

- Về hộ nghèo:

Xã hiện còn 554 hộ với thu nhập bình quân dưới 12 triệu đồng/người/năm, chiếm tỷ lệ 9,37% số hộ dân. Tỷ lệ hộ nghèo xã còn ở mức tương đối cao. Để phấn đấu đạt tỷ lệ hộ nghèo dưới 2% theo chuẩn mới của thành phố, đòi hỏi phải có sự nỗ lực rất lớn của cấp ủy Đảng, chính quyền và từ chính ý thức vươn lên của các hộ này.

b) Tỷ lệ lao động có việc làm

- Số lao động trong độ tuổi: 14.839 người, chiếm 65% dân số;

- Cơ cấu lao động (%): theo các ngành nông nghiệp, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ của xã theo tỷ lệ tương ứng: 5,7% - 74,3% - 20%;

- Lao động phân theo trình độ chuyên môn: Trong 14.839 lao động của xã, chỉ có khoảng 5.800 (39%) lao động đã qua đào tạo chuyên môn.

c) Hình thức tổ chức sản xuất

Số lượng hợp tác xã hay tổ hợp tác trên địa bàn hiện tại không nhiều. (Về hình thức tổ chức sản xuất có 1 hợp tác xã nông nghiệp mới thành lập và làm ăn chưa có hiệu quả).

4. Văn hóa, xã hội và môi trường

a) Giáo dục

- Tỷ lệ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi đạt 100%.

- Phổ cập giáo dục: bậc tiểu học đúng độ tuổi đạt 100%; bậc trung học cơ sở đạt 94%; bậc trung học phổ thông đạt 74%.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học bậc trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) trong năm 2012 là 99%, đạt chuẩn về tỷ lệ.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo 39%. So với tiêu chí (70%) thì tỷ lệ lao động xã chưa qua đào tạo còn lớn.

b) Y tế

Xã có 1 trạm y tế xây dựng từ năm 1980, hiện đã xuống cấp và thiếu về cơ sở vật chất. Trong năm qua, được sự quan tâm của các cấp chính quyền nên công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân được thực hiện một cách có hiệu quả, năm 2012 đã tiếp nhận và khám chữa bệnh cho 4.714 lượt bệnh nhân; tỷ lệ trẻ uống Vitamin A cho trẻ từ 0 đến 3 tuổi đạt 100%; tỷ lệ trẻ tiêm ngừa đạt 93%.

Tỷ lệ người dân xã tham gia các hình thức bảo hiểm y tế đạt 65%, trong đó 40% (bảo hiểm tự nguyện).

c) Văn hóa

Trong năm 2012, xã có 1/6 ấp đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa, chiếm tỷ lệ 18%. Ngoài ra, 3 ấp đạt danh hiệu tiên tiến và 2 ấp bị điểm liệt không được xét công nhận.

Xã có 4.538 hộ gia đình đạt tiêu chuẩn Gia đình Văn hóa, đạt tỷ lệ 89,3%.

d) Môi trường

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh: 100% hộ dân tại xã đều dùng nước giếng khoan ở tầng nước đạt tiêu chuẩn vệ sinh. Trên địa bàn xã có 1 nhà máy cung cấp nước sạch cho thành phố với 2 bể chứa nước sạch dung tích 80.000m³.

- Tỷ lệ hộ có xây dựng đủ 3 công trình (nhà tắm, hố xí, bể nước) đạt chuẩn: là 90%.

- Tình hình xử lý chất thải: toàn xã có 3.108 hộ đăng ký thu gom rác dân lập chiếm tỷ lệ 56% số hộ toàn xã.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất chưa đạt tiêu chuẩn môi trường: 58%.

- Nghĩa trang và tình hình chôn cất người dân: trên địa bàn xã đa số gia đình đi thiêu tại các lò thiêu thành phố hoặc chôn tại nghĩa trang gia đình.

Nhìn chung nước thải xả ra ngoài môi trường đáp ứng được yêu cầu, chiếm tỷ lệ 87%. Tuy nhiên trên địa bàn xã còn một số hộ chăn nuôi và cơ sở sản xuất kinh doanh chưa tuân thủ các quy định về xả thải, một số hộ dân còn xả nước sinh hoạt ra đường công cộng gây mất vệ sinh.

5. Hệ thống chính trị

a) Hệ thống chính trị của xã

- Một Đảng bộ cơ sở: có 16 chi bộ trực thuộc, với 269 đảng viên.

- Ủy ban nhân dân xã: thực hiện mô hình 1 cửa liên thông về cải cách hành chính khá nề nếp. Trình độ cán bộ công chức không ngừng được nâng cao với 42 người, gồm: 11 cán bộ công chức; 10 cán bộ chuyên trách (hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế); 21 cán bộ không chuyên trách (hợp đồng). Trong đó trình độ học vấn: 42/42 tốt nghiệp trung học phổ thông.

Về trình độ chính trị: cao cấp 1 người, 2 người đang học cử nhân chính trị, trung cấp 11 người.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đều đạt về số lượng và danh hiệu xuất sắc.

b) Tình hình trật tự xã hội, an ninh trên địa bàn

Tình hình trật tự xã hội, an ninh trên địa bàn cơ bản ổn định.

Nhằm đảm bảo tình hình an ninh trật tự xã hội được ổn định và phát triển kinh tế, đã có sự chỉ đạo xuyên suốt từ cấp ủy Đảng đến chính quyền xã. Cụ thể, định kỳ giao ban giữa Thường trực Đảng ủy với các ban, ngành, đoàn thể, ban áp sáng thứ hai hàng tuần; giao ban trong Thường trực Đảng ủy vào mỗi chiều thứ sáu; giao ban giữa Công an với Ban điều hành tổ nhân dân hàng quý.

6. Các chương trình, dự án đã và đang triển khai trên địa bàn xã

- Xã có nhiều công trình, dự án đang triển khai xây dựng, điển hình như:

+ Công trình xây dựng hệ thống thủy lợi phòng, chống lụt, bão;

- + Đầu tư xây dựng 2 tuyến đường giao thông;
- + Xây dựng mới trường THCS Đỗ Văn Dậy đạt chuẩn;
- + Dự án xây dựng siêu thị coopmart;
- + Dự án xây dựng Nhà thiếu nhi huyện.

Phần II

NỘI DUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI XÃ TÂN HIỆP - HUYỆN HÓC MÔN ĐẾN NĂM 2015

I. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2015

1. Mục tiêu chung

Xây dựng xã Tân Hiệp trở thành một xã nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Mục tiêu cụ thể

Hoàn thành 19/19 tiêu chí về nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới theo từng giai đoạn cụ thể:

- Giữ vững các tiêu chí đã đạt: 6/19 tiêu chí, gồm: Điện, chợ, bưu điện. Tỷ lệ lao động trong độ tuổi có việc làm, hệ thống tổ chức chính trị vững mạnh và an ninh trật tự xã hội.

- Năm 2013: 10/19 tiêu chí đạt chuẩn (thêm 4 tiêu chí mới: 1, 3, 9, 13).

- Năm 2014: 14/19 tiêu chí đạt chuẩn (thêm 4 tiêu chí mới: 2, 5, 6, 15).

- Năm 2015: 19/19 tiêu chí đạt chuẩn (thêm 5 tiêu chí: 10, 11, 14, 16, 17).

II. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Quy hoạch

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 1 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện

Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTNMT ngày 28 tháng 10 năm 2011 của Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới.

2. Công tác phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Giao thông

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 2 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nguyên tắc đầu tư:

- Ưu tiên đầu tư các đường giao thông liên xã, đường giao thông trục chính kết nối mạng lưới giao thông với quốc lộ, tỉnh lộ hoặc trục đường chính của huyện để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tạo sự thu hút đầu tư trên địa bàn xã.

- Thực hiện quy mô đầu tư theo Quyết định số 315/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 02 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.

- Trường hợp mặt đường hiện trạng lớn hơn theo quy định của Quyết định số 315/QĐ-BGTVT thì thực hiện đầu tư theo hiện trạng.

+ Nội dung thực hiện:

- Nâng cấp đường trục xã, liên xã: 2,32 km.

- Nâng cấp đường trục ấp, liên ấp: 4,76 km.

- Nâng cấp đường trục tổ, liên tổ: 6,35 km.

b) Thủy lợi

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 3 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung: Nạo vét, đắp bờ bao ngăn lũ chống triều cường 2 bên kết hợp giao thông nông thôn; đảm bảo nguồn nước đáp ứng nhu cầu tưới tiêu sản xuất và dân sinh; phòng, chống triều cường trên địa bàn xã, gồm: rạch Cầu Bông, kênh Đường Đò, kênh Mới.

c) Điện

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 4 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới

+ Nội dung: Đến năm 2015, hoàn thiện hệ thống các công trình đảm bảo cung

cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn xã; 100% số hộ dân được sử dụng điện thường xuyên.

d) Trường học

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung: Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về giáo dục trên địa bàn xã. Đến năm 2015, mỗi cấp mầm non - mẫu giáo, tiểu học có ít nhất một trường đạt chuẩn quốc gia.

đ) Cơ sở vật chất văn hóa

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 6 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung: Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao trên địa bàn xã.

e) Chợ

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 7 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung:

Xây dựng mới 1 siêu thị đáp ứng nhu cầu giao thương, mua bán của người dân, địa điểm tại ấp Tân Thới 1 (giáp thị trấn), diện tích 4.000 m².

g) Bưu chính - viễn thông

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung: Cải tạo, nâng cấp 5 km đường dây thông tin.

h) Nhà ở dân cư

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung:

- Xây dựng mới 5 căn nhà tạm bợ.

- Nâng cấp 18 căn nhà chưa đạt chuẩn.

- Hỗ trợ lãi vay xây dựng, nâng cấp nhà xuống cấp theo tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng.

3. Phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất

a) Phương hướng phát triển các ngành sản xuất nhằm tạo việc làm, nâng cao thu nhập người dân:

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 10 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung thực hiện:

- Khuyến khích phát triển nông nghiệp và các dịch vụ nông nghiệp (hoa cây kiểng, cá cảnh, thú y, sửa chữa cơ khí nhỏ...) theo hướng đô thị, diện tích đất ít nhưng hiệu quả kinh tế cao, tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường. Trong nông nghiệp theo quy trình kỹ thuật theo hướng VietGAP, tưới tiết kiệm trong nhà lưới. Quy hoạch ổn định vùng đất sản xuất nông nghiệp lâu dài để Nhà nước hỗ trợ cho quy hoạch hạ tầng cơ bản (đường, điện, cấp nước và xử lý chất thải...) phục vụ sản xuất, phòng, chống dịch bệnh, đào tạo kiến thức cho các hộ sản xuất.

- Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp phù hợp với nông nghiệp đô thị đảm bảo an toàn vệ sinh dịch bệnh, môi trường và mang lại hiệu quả kinh tế cao:

. Mô hình phát triển chăn nuôi khép kín (trồng cỏ kết hợp chăn nuôi bò sữa, thịt, nuôi heo rừng,... xử lý chất thải thông qua làm hầm biogas hay nuôi trùn quế; kết hợp tham quan, bán sản phẩm phục vụ du lịch).

. Mô hình hoa lan, cây kiểng:

Quy mô dự kiến: 7 ha.

Phát triển các mô hình nông nghiệp đô thị không cần nhiều đất nhưng có giá trị kinh tế cao như mai vàng (mai ghép nhiều màu, mai tai giáo...), Bon sai (gồm một số loại như cùm rùm, tắc, khế, mai, cần thăng)...; Kiểng lớn như mai chiếu thủy, kiểng lá...; Hoa cao cấp như hoa lan cắt cành Mokara, Dendrobium, hoa hồng.

. Mô hình trồng nấm, trồng các loại rau ăn lá an toàn.

Quy mô dự kiến: 10 ha.

Mỗi mô hình đầu tư khoảng 10,0 - 15,0 triệu đồng cho việc lên líp, cải tạo đồng ruộng. Mô hình cần liên kết nhiều hộ trồng rau trên một địa bàn lại với nhau nhằm góp sức giải quyết đầu vào, đầu ra cho sản phẩm.

- Xây dựng các mô hình sản xuất tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn:

* Mô hình sản xuất bánh tráng, hủ tiếu, bánh phở: Định hướng phát triển nghề hủ tiếu từ 20 - 30 cơ sở; hỗ trợ nâng cấp nghề bánh tráng từ 10 - 20 cơ sở. Giải quyết triệt để chất thải từ quá trình chế biến, ổn định môi trường sống.

* Mô hình nghề mộc (đồ gỗ gia dụng - đóng tủ, bàn ghế,...): Định hướng phát triển từ 10 - 20 cơ sở.

* Mô hình tổ phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình thông qua các dịch vụ nấu ăn cho các đám tiệc, dịch vụ may giở xách, đan...

* Mô hình thanh niên lập nghiệp thông qua các nghề dịch vụ chụp ảnh, sửa vi tính, sửa chữa xe gắn máy...

b) Giảm nghèo và an sinh xã hội

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 11 của Bộ tiêu chí quốc gia và phù hợp với đặc điểm riêng của thành phố.

+ Nội dung:

* Nội dung 1: Tiếp tục triển khai chương trình giảm nghèo giai đoạn 3 của thành phố đạt thu nhập trên 12 triệu/người/năm vào năm 2015.

* Nội dung 2: Thực hiện các chương trình an sinh xã hội.

* Nội dung 3: Hỗ trợ đào tạo nghề cho 150 lao động; Hỗ trợ vốn và phương tiện sản xuất cho các hộ nghèo đặc biệt khó khăn và có khả năng vươn lên thoát nghèo.

c) Tỷ lệ lao động có việc làm

+ Mục tiêu: Duy trì và nâng chất tiêu chí số 12 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung:

- Ban quản lý liên kết chặt chẽ với trường dạy nghề trên địa bàn huyện và với các doanh nghiệp nhằm có định hướng đào tạo công nhân kỹ thuật để giải quyết lao động.

- Thực hiện lồng ghép các chương trình dạy nghề cho nông dân biết về quản lý kinh tế, vững về kỹ thuật, khả năng tiếp thị; cán bộ xã giỏi về phát triển nông thôn, là nòng cốt góp phần quan trọng trí thức hóa nông thôn.

- Đẩy mạnh hợp tác, liên kết giữa các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp, Trường đại học, Viện nghiên cứu... với nông dân, hộ sản xuất trong công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, giống mới, công nghệ sau thu hoạch.

- Đào tạo và nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ kế toán cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp của xã, hợp tác xã nông nghiệp, tổ hợp tác sản xuất, doanh nghiệp.

d) Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn:

+ Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 13 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung:

- Tuyên truyền, vận động nhằm giúp người nông dân nắm bắt được chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế tập thể.

- Bồi dưỡng, đào tạo: các chức danh tổ trưởng tổ hợp tác, chủ nhiệm, ban quản trị phải được nâng cao về năng lực quản lý.

- Hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu như trang thiết bị phục vụ thông tin liên lạc, đào tạo trao đổi, cập nhật thông tin (điện thoại, máy fax, máy vi tính, máy in).

- Hỗ trợ để mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất - kinh doanh, dịch vụ của các tổ chức kinh tế tổ hợp tác, hợp tác xã.

4. Văn hóa, xã hội, môi trường

a) Giáo dục

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 14 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung: Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

b) Y tế

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 15 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới và phù hợp với đặc điểm riêng của thành phố.

+ Nội dung: Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trong lĩnh vực về y tế, đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Vận động duy trì tỷ lệ của người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế đạt trên 70%.

c) Xây dựng đời sống văn hóa phong phú lành mạnh

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 16 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung:

- Đẩy mạnh, tăng cường công tác tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức của cán bộ hội, đoàn thể của xã và nhân dân về ý nghĩa của phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, làm cho phong trào càng phát triển sâu rộng, góp phần làm chuyển biến tích cực đến đời sống kinh tế, xã hội trên địa bàn ấp.

- Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 12 tháng 8 năm 1998 của Bộ Chính trị và quy chế thực hiện văn minh trong tiệc cưới, lễ tang và lễ hội. Thực hiện tốt chính sách về người nghèo...

- Triển khai dần từng bước nâng cao chất lượng các phong trào: gia đình văn hóa, ấp văn hóa, gương người tốt, việc tốt.

d) Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung thực hiện:

- Xây lắp hệ thống dẫn nước máy phục vụ sinh hoạt cho người dân khu vực ấp Tân Thới 1 và ấp Tân Hòa do 02 khu vực này nước bị nhiễm phèn nặng.

- Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, vận động người dân thực hiện tốt các quy định về vệ sinh môi trường và phòng, chống ô nhiễm môi trường sản xuất (nông nghiệp và ngành nghề nông thôn).

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra môi trường, kịp thời phát hiện những yếu tố gây nguy hại tới môi trường và sức khỏe người dân, đặc biệt là lao động và đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển sản xuất theo hướng sạch, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Xây dựng mô hình mẫu về tổ, ấp có hệ thống xử lý nước thải của hộ (sẵn sàng đầu nối vào hệ thống nước thải chung của cộng đồng)

- Vận động triển khai tổ chức “Hội thi môi trường Xanh - Sạch - Đẹp” kết hợp trồng cây xanh trên các trục đường đã được quy hoạch trên qui mô xã. Có đăng ký chỉ tiêu thi đua cho từng ấp.

- Tuyên truyền về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trong cộng đồng dân cư và vận động nhân dân định kỳ tổng vệ sinh trên địa bàn toàn xã: 1 tháng/lần x 12 tháng (trong đó có đợt cao điểm vào tháng 5 hàng năm - Hưởng ứng tuần lễ nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn).

- Hàng năm trồng mới khoảng 1000 cây xanh (trong đó cây xanh đường phố là 1000 cây, nhằm đảm bảo độ che phủ cây xanh thành phố đạt trên 40% (năm 2020).

5. Hệ thống chính trị và an ninh trật tự xã hội

a) Hệ thống chính trị

+ Mục tiêu: Duy trì và nâng chất tiêu chí số 18 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung:

- Nội dung 1: Tổ chức đào tạo cán bộ đạt chuẩn theo quy định của Bộ Nội vụ,

đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới. Phần đầu trình độ cán bộ xã đạt trung cấp trở lên là trên 90%.

- Nội dung 2: Đề xuất xây dựng, ban hành các chính sách khuyến khích, thu hút cán bộ trẻ đã được đào tạo, đủ tiêu chuẩn về công tác ở các xã để nhanh chóng chuẩn hóa đội ngũ cán bộ xã.

b) Giữ vững an ninh, trật tự xã hội nông thôn

+ Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 19 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Nội dung:

- Nội dung 1: Thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng và ban hành nội quy, quy ước làng xóm về trật tự, an ninh; phòng chống các tệ nạn xã hội và các hủ tục lạc hậu;

- Nội dung 2: Điều chỉnh và bổ sung chức năng, nhiệm vụ và chính sách tạo điều kiện cho lượng lực lượng an ninh xã, ấp, tổ hoàn thành nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn theo yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

III. DỰ KIẾN KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN:

A. Tổng kinh phí đầu tư, hỗ trợ để thực hiện Đề án nông thôn mới xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, dự kiến: 605.708 triệu đồng, gồm:

1. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản: 475.658 triệu đồng (chiếm 78,53%).

2. Vốn sự nghiệp hỗ trợ cho các hoạt động trên địa bàn xã: 130.050 triệu đồng (chiếm 21,27%).

B. Nguồn vốn:

1. Vốn từ Ngân sách nhà nước: 409.873 triệu đồng, chiếm 67,67%; trong đó:

+ Vốn Nông thôn mới: 80.347 triệu đồng, chiếm 13,26%.

+ Vốn lồng ghép: 329.526 triệu đồng, chiếm 54,41%; chia ra:

* Vốn ngân sách tập trung: 267.000 triệu đồng (đã có chủ trương và Quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền);

* Vốn phân cấp huyện: 38.326 triệu đồng;

* Vốn sự nghiệp: 24.200 triệu đồng (dự kiến bố trí thực hiện từ nguồn vốn sự nghiệp hàng năm của các ngành).

2. Vốn cộng đồng đóng góp: 154.835 triệu đồng, chiếm 25,56%; trong đó:

+ Vốn dân: 75.860 triệu đồng;

+ Vốn doanh nghiệp: 78.975 triệu đồng;

3. Vốn vay tín dụng: 41.000 triệu đồng, chiếm 6,77%

* Vốn đầu tư các nguồn được xác định cụ thể theo chương trình, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Phần III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Thời gian thực hiện đề án: từ nay đến năm 2015.

2. Quy mô và khối lượng thực hiện: theo các biểu đính kèm.

3. Phương châm và nguyên tắc đầu tư, hỗ trợ

- Phát huy nội lực của địa phương là chính, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ sự hỗ trợ của Trung ương và Thành phố, đáp ứng nhu cầu đầu tư, giúp đỡ của các doanh nghiệp.

- Phát huy dân chủ, công khai trong cộng đồng dân cư, khẩn trương, đồng bộ và chặt chẽ trong thủ tục hành chính và đầu tư.

a) Cơ chế huy động và quản lý các nguồn vốn

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

- Thực hiện Thông tư số 72/2010/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về quản lý sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư tại 11 xã thực hiện Đề án “Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa”;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020.

b) Quản lý đầu tư và xây dựng

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020.

4. Phân công thực hiện

a) Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hóc Môn và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tân Hiệp:

- Tập trung triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân, Đảng viên, cán bộ công chức quán triệt chủ trương của Trung ương và thành phố về chương trình xây dựng mô hình nông thôn mới tại xã; vận động cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia và đóng góp hỗ trợ để thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Thực hiện theo đúng nội dung của Đề án được phê duyệt, không được thay đổi nội dung của Đề án khi chưa được chấp thuận của Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

- Phân công các phòng, ban, đơn vị chức năng của huyện, cán bộ chuyên môn của xã tham gia, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tân Hiệp xây dựng kế hoạch tổng thể thực hiện đề án giai đoạn 2012 - 2015, xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm đảm bảo tiến độ và mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo đúng quy định hướng dẫn của pháp luật hiện hành.

b) Các Sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố:

- Phân công cán bộ, công chức theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ Ban quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn chuẩn bị và thực hiện, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí của ngành trên địa bàn xã.

- Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu của Trung ương và Thành phố do Sở, ngành phụ trách trên địa bàn xã.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tân Hiệp triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo Đề án được phê duyệt.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn, hoàn tất thẩm định quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch hạ tầng thiết yếu (theo phân công, phân cấp) của huyện Hóc Môn và xã Tân Hiệp; tổ chức giám sát việc công bố, công khai các quy hoạch được phê duyệt.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tân Hiệp cân đối, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố giải

quyết và bố trí vốn ngân sách tập trung, vốn phân cấp hàng năm (2012 - 2015), đảm bảo tiến độ đầu tư, hoàn thành các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Tân Hiệp.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Tân Hiệp, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, giao kế hoạch kinh phí sự nghiệp chi thường xuyên để thực hiện các hoạt động, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Tân Hiệp.

c) Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình, dự án, các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn; định kỳ hàng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện; tham mưu, đề xuất, giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để thành phố tổ chức sơ kết hàng năm, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 4****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 763/QĐ-UBND-NC

Quận 4, ngày 29 tháng 5 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH**Về bãi bỏ Quyết định số 10/2007/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2007
Ủy ban nhân dân quận 4 về thành lập Thanh tra xây dựng quận 4
và Thanh tra xây dựng 15 phường thuộc quận 4****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 26/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 75/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận 4 tại Tờ trình số 513/TTr-PNV ngày 23 tháng 5 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ Quyết định số 10/2007/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2007 Ủy ban nhân dân quận 4 về thành lập Thanh tra xây dựng quận 4 và Thanh tra

xây dựng 15 phường thuộc quận 4; do tổ chức và hoạt động của Thanh tra xây dựng quận - phường chấm dứt việc thực hiện thí điểm theo Nghị định số 26/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Xây dựng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tiến Đạt

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng